

Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 1814/SGDDĐT-GDTrH ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Sở GDĐT)

TRƯỜNG: THPT QUẾ SƠN

TỔ: SỬ- ĐỊA – KTPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN LỊCH SỬ, KHỐI LỚP 10,11,12

(Năm học 2025 - 2026)

A. Đặc điểm tình hình

a. Số lớp: 21; Số học sinh:

*Lớp 10: 07 lớp; Số học sinh: 269 - Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 77

*Lớp 11: 07 lớp; Số học sinh: 300 - Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 11/7: 44

*Lớp 12: 07 lớp; Số học sinh: 287 - Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 12/1,2: 82

b. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 05; (02 giáo viên chuyên môn Sử, 03 giáo viên chuyên môn Sử và KTPL, Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 00 Đại học: 05; Trên đại học: 00

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: 00; Khá: 05; Đạt: 00; Chưa đạt: 00

c. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Lược đồ các quốc gia cổ ĐNA và phong kiến	05		Lớp 10
2	Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Đông và Phương Tây	04		Lớp 10
3	Lược đồ các di sản văn hoá ở Việt Nam	05		Lớp 10
4	Phim tài liệu :Một số hiện vật tiêu biểu của văn minh	01	Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam	Lớp 10

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

	sông Hồng			
5	Phim tài liệu: Một số thành tựu văn minh phương đông	01		Lớp 10
6	Lược đồ có trong các tiết học như: Lược đồ nước Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Việt Nam, Đông Nam Á....	02		Lớp 10,11
7	Tranh ảnh các nhân vật lịch sử như Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp....	02		Lớp 12

d. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục):

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn	1	Sinh hoạt tổ chuyên môn, kèm học sinh yếu	
2	Phòng thư viện	1	Tìm kiếm tài liệu, bổ sung nội dung kiến thức, mở rộng kiến thức, hình thành năng lực cho học sinh.	

B. Kế hoạch dạy học

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN LỊCH SỬ, KHỐI LỚP 10

1. Phân phối chương trình

* **Lớp không chuyên đề lựa chọn: Cả năm 52 tiết**

+Kỳ I: 17 tuần x 2 + (tuần 18: 1 tiết)= 35 tiết

+Kỳ II: 17 tuần x 1 = 17 tiết

* **Lớp có chuyên đề lựa chọn: Cả năm 87 tiết**

+Kỳ I: 17 tuần x 2 + (tuần 18: 1 tiết)= 35 tiết

+Kỳ II: 17 tuần x 1 = 17 tiết

+ 35 tiết chuyên đề trong cả năm học

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu) (3)
1	Bài 1: Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức	2 (1,2)	– Trình bày được khái niệm lịch sử. – Phân biệt được lịch sử hiện thực và lịch sử được con người nhận thức. – Giải thích được khái niệm sử học – Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học thông qua ví dụ cụ thể. – Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học qua ví dụ cụ thể.
2	Bài 2: Tri thức lịch sử và cuộc sống	1 (3)	Nêu được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời. Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.
3	Bài 3. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá...	2 (4,5)	- Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên. Có ý thức vận động các bạn và mọi người xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên ở địa phương. Nêu được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch. Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá.
4	Thực hành Lịch sử	1 (6)	Củng cố kiến thức. Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm.
5	Bài 4. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời kì cổ - trung đại (Văn	2 (7,8)	– Giải thích được khái niệm văn minh. – Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông.

	minh Ai Cập, Ấn Độ)		– Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc... – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa: chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo,... – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ: chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo,...
6	Bài 4. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời kì cổ - trung đại (Văn minh Trung Hoa)	1 (9)	- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo.
7	Bài 5. Một số nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại	2 (10,11)	– Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời kì cổ – trung đại. – Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của những thành tựu văn minh Hy Lạp – La Mã: chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao,... – Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của những thành tựu văn minh thời Phục hưng: tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật, thiên văn học,...
8	Thực hành lịch sử	2 (12,13)	- Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy
9	Bài 6 : Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại	3 (14,15,16)	– Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. – Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất: phát minh và sử dụng máy hơi nước, động cơ đốt trong để cơ giới hoá sản xuất, phát triển giao thông vận tải,...

			– Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai: sử dụng điện năng, động cơ điện gắn với quá trình điện khí hoá, sản xuất dây chuyền, sự phát triển của các ngành công nghiệp hoá chất, dầu mỏ, thép, điện lực, in ấn,... – Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với sự phát triển kinh tế (tăng năng suất lao động, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá,...). – Nêu được tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với xã hội, văn hoá: sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp, quá trình đô thị hoá; những thay đổi về lối sống, văn hoá...
10	KTGK 1	1 (17)	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của nội dung đã học.
11	Bài 7: Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại	3 (18,19,20)	– Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba: tự động hoá dựa vào máy tính, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, Internet,... – Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: sự phát triển kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và sự phát triển của các công nghệ liên ngành, đa ngành,... – Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đối với sự phát triển kinh tế của thế giới thông qua ví dụ cụ thể. - Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử.
12	Thực hành lịch sử	1 (21)	- Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy
13	Bài 8. Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại	1 (22)	- Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. - Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á.

14	Bài 9. Thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại	2 (23,24)	- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc. - Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, có ý thức gìn giữ, bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.
15	Thực hành lịch sử	1 (25)	- Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy
16	Bài 10. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc	3 (26,27,28)	Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh sông Hồng. - Nêu được cơ sở hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng: đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà Nước - Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.
17	Bài 11. Văn minh Chăm-pa – văn minh Phù Nam	3 (29,30,31)	-Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa. Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,... - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có ý thức

			trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.
18	Thực hành lịch sử	2 (32,33)	- Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy
19	KTCKI	1 (34)	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của nội dung đã học.
20	Bài 12. Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt	2 (35,36)	- Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. – Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt: kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ. – Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt. - Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.
21	Bài 13. Một số thành tựu của Văn minh Đại Việt	4 (37,38, 39,40)	– Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt. – Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật,... - Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. - Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.
22	Thực hành lịch sử	2 (41,42)	- Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy

23	Bài 14. Các dân tộc trên đất nước Việt Nam	1 (43)	– Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. – Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
24	KTGKII	44	.- Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của nội dung đã học.
25	Bài 14. Các dân tộc trên đất nước Việt Nam	2 (45,46)	– Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. – Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
26	Bài 15: Khó khăn đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam	3 (47,48,49)	– Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam - Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. - Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc: “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển”. - Phân tích được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh... - Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.
27	Thực hành lịch sử	1 (50)	- Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy
28	Ôn tập KTCK II	1 (51)	-Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học. - Rèn kỹ năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao trong quá trình học tập thông qua các câu hỏi trắc nghiệm. Đồng thời rèn kỹ năng viết cho HS thông qua bài kiểm tra tự luận -Ma trận đề kiểm tra.

29	KTCKII	1 (52)	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của nội dung đã học.
----	--------	-----------	--

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Các lĩnh vực của sử học	10 (Tuần 1 -10)	- Khái quát được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được khái niệm thông sử. - Nêu được nội dung chính của thông sử. - Nêu được khái niệm và nội dung chính của Lịch sử dân tộc. - Nêu được khái niệm và nội dung chính của Lịch sử thế giới - Tóm tắt và hiểu được nét chính của lịch sử văn hoá, tư tưởng, xã hội, kinh tế Việt Nam trên đường thời gian.
2	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam	15 (Tuần 11- 25)	- Giải thích được khái niệm di sản văn hoá. - Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau. - Chỉ ra được một số cách phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. - Phân tích được mục đích và ý nghĩa của việc phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. - Giải thích được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá. - Phân tích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: bảo tồn phải đặt trong bối cảnh phát triển bền vững để bảo tồn không trở thành gánh nặng và rào cản của phát triển. - Phân tích được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. - Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,... - Giải thích được vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di

		sản văn hoá. - Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua ví dụ cụ thể. - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá ở địa phương và đất nước. - Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu. - Xác định được vị trí phân bố các di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu. - Xác định vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu. - Xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số các di sản phức hợp tiêu biểu.
3	Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử	10 (Tuần 26 – 35) - Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. - Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. - Trình bày được Một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858 - Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

			- Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Phân tích được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 - 1976. - Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. - Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc. - Phân tích được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước - Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946: ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, quyền bình đẳng và nghĩa vụ công dân, cơ cấu hệ thống chính trị,... - Phân tích được ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946- Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.
--	--	--	--

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
------------------------	------------------	------------------	------------------------	------------------

Giữa kỳ 1	45 phút	Tuần 9	– Trình bày được khái niệm lịch sử. – Phân biệt được lịch sử hiện thực và lịch sử được con người nhận thức. – Giải thích được khái niệm sử học – Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học thông qua ví dụ cụ thể. – Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học qua ví dụ cụ thể. Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). - Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên. Nêu được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch. - Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá. – Giải thích được khái niệm văn minh. – Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá. – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc... – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa: chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo,... – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ: chữ viết, văn học	Dạng thức I: 30% Dạng thức II: 40% Dạng thức III: 30%
-----------	---------	--------	--	--

			nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo,...	
Cuối kỳ 1	45 phút	Tuần 17	- Theo hướng dẫn của Sở GD-ĐT .	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%
Giữa kỳ 2	45 phút	Tuần 26	– Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba: tự động hoá dựa vào máy tính, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, Internet,... – Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: sự phát triển kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và sự phát triển của các công nghệ liên ngành, đa ngành,... – Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đối với sự phát triển kinh tế của thế giới thông qua ví dụ cụ thể. - Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử. Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á - Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á: tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc,... - Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Nêu được cơ sở hình thành nền văn minh Văn	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%

			Lang – Âu Lạc Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng: đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,... Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa. Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,... - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.	
Cuối kỳ 2	45 phút	Tuần 35	- Theo hướng dẫn của Sở GD-ĐT	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN LỊCH SỬ, KHỐI LỚP 11

1. Phân phối chương trình

*** Lớp không chuyên đề lựa chọn: Cả năm 52 tiết**

+Kỳ I: 17 tuần x 2 + (tuần 18 :1 tiết) = 35 tiết

+Kỳ II:17 tuần x 1 = 17 tiết

* Lớp có chuyên đề lựa chọn: Cả năm 87 tiết

+Kỳ I: 17 tuần x 2 + (tuần 18: 1 tiết) = 35 tiết

+Kỳ II:17 tuần x 1 = 17 tiết

+ 35 tiết chuyên đề trong cả năm học

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý:Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	3 (1,2,3)	- Trình bày được tiền đề của cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng. - Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cuộc CMTS - Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc CMTS. - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm
2	Bài 2: Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.	3 (4,5,6)	- Trình bày được sự xác lập của CNTB ở châu Âu và Bắc Mỹ. - Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của CNTB. - Trình bày được sự phát triển của CNTB từ tự do sang cạnh tranh độc quyền. - Nêu được khái niệm CNTB hiện đại - Nêu được tiềm năng và thách thức của CNTB hiện đại. - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của CNTB. Vận dụng những hiểu biết về lịch sử CNTB để giải thích những vấn đề thời sự của XH tư bản hiện nay.
3	Thực hành chủ đề 1	2 (7,8)	- Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy, lập bảng và thi hùng biện nội dung đã học trong chủ đề 1
4	Bài 3: Sự hình thành Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.	1 (9)	- Trình bày được quá trình hình thành Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Phân tích được ý nghĩa sự ra đời Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
5	Bài 4: Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ	4 (10,11,12,	- Trình bày được sự phát triển của CNXH ở các nước Đông Âu sau CTTG II - Nêu được sự mở rộng của CNXH ở khu vực châu Á và Mỹ-latinh.

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)
	sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	13)	- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ mô hình CNXH ở Đông Âu và Liên Xô - Nêu được nét chính về CNXH từ năm 1991 đến nay. - Nêu được những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách, mở cửa của TQ - Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của CNXH, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng CNXH ở VN.
6	Thực hành chủ đề 2	2 (14,15)	- Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy, Từ đó, rút ra trách nhiệm của bản thân trong công cuộc XD và bảo vệ đất nước VN theo con đường XHCN hiện nay
7	Bài 5: Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.	2 (16,17)	- Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á lục địa và hải đảo. - Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm. - Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
8	KTGK I	1 (18)	- Yêu cầu HS nắm vững kiến thức được học trong chương trình từ bài 1 đến bài 5 - Nội dung: Từ bài 1 đến bài 5 - Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
9	Bài 6: Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.	3 (19,20,21)	- Tóm tắt được những nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân ở một số nước Đông Nam Á lục địa và hải đảo. - Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở ĐNA. - Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với thuộc địa, liên hệ Việt Nam. - Tóm tắt những nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân XL ở một số nước ĐNA hải đảo (Indonesia, Philippines) và ĐNA lục địa (Myanmar; ba nước Đông Dương)

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)
			- Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở ĐNA - Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở VN. - Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở ĐNA - Có ý thức trân trọng những thành quả đấu tranh giành độc lập dân tộc và phát triển các dân tộc ở ĐNA hiện nay.
10	Bài 7: Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	5 (22,23,24,25,26)	- Nêu được vị trí địa chiến lược của VN. - Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử VN. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu LS để tìm hiểu về các cuộc KC thắng lợi tiêu biểu của DTVN - Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của DTVN về thời gian, địa điểm, đối tượng XL, những trận đánh lớn, kết quả - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc KC chống XL - Trình bày được nội dung chính của các cuộc KC không thành công về thời gian, địa điểm, đối tượng XL, những trận đánh lớn, kết quả - Giải thích được nguyên nhân không thành công của một số cuộc KC trong LS - Vận dụng kiến thức đã học, rút ra được những bài học LS cơ bản từ LS chống ngoại xâm của DTVN, nhận thức được giá trị của các bài học LS đối với sự nghiệp XD và bảo vệ Tổ quốc hiện nay - Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống ĐT, bảo vệ, XD đất nước và sẵn sàng tham gia đóng góp XD, bảo vệ Tổ quốc.
11	Bài 8: Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử VN (từ TK III TCN đến cuối TK XIX).	5 (27,28,29,30,31)	- Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời kì Bắc thuộc - Nêu được ý nghĩa của một số cuộc KN tiêu biểu - Nêu được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính và ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn. - Biết được cách sưu tầm và sử dụng tư liệu LS về PT Tây Sơn - Trình bày được bối cảnh LS và những diễn biến chính của PT Tây Sơn - Nêu được ý nghĩa của PT Tây Sơn

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)
			- Rút ra được những bài học LS chính của các cuộc KN và CT giải phóng trong LSVN về quá trình vận động, tập hợp QCND tham gia, vai trò của khối đại đoàn kết DT, nghệ thuật quân sự - Nêu được các bài học LS đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Tự hào về truyền thống DT bất khuất của DTVN trong LS, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp XD và bảo vệ Tổ quốc
12	Thực hành chủ đề 3,4	3 (32,33,34)	- Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Tổ chức “Sân khấu hóa” về các cuộc KN chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và các cuộc KN, CTGPDT đã học trong LSVN
13	KTCK I	1 (35)	- Yêu cầu HS nắm vững kiến thức được học trong chương trình từ bài 1 đến bài 8 - Nội dung: Bài 1 đến bài 5 20%, Bài 6 đến bài 8 80% - Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
14	Bài 9: Cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.	2 (36,37)	Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ -Nhận xét đưc về cuộc cải cách....
15	Bài 10: Cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)	2 (38,39)	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông. -Nhận xét đưc về cuộc cải cách....
16	Bài 11: Cải cách của Minh Mạng (nửa đầu TK XIX)	2 (40,41)	Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng. - Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc
17	Thực hành chủ đề 5	2 (42,43)	- Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Cho HS đóng vai Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mạng. Qua đó khắc sâu ý nghĩa của những cuộc cải cách

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)
18	KTGK II	1 (44)	- Yêu cầu HS nắm vững kiến thức được học trong chương trình từ bài 9 đến bài 11 - Nội dung: Bài 9 đến bài 11 - Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
19	Bài 12: Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông.	3 (45,46, 47)	- Xác định được vị trí của biển Đông trên bản đồ. - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao lưu biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển. - Xác định được vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ. - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.
20	Bài 13: Việt Nam và Biển Đông.	3 (48,49, 50)	- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với VN về quốc phòng, an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - Nêu được VN là nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử. - Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của VN ở Biển Đông. - Nêu được chủ trương của VN giải quyết các tranh chấp ở biển Đông bằng biện pháp hòa bình. - Trân trọng các thành quả DT bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của VN ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước VN.
21	Thực hành chủ đề 6	1 (51)	- Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm.
22	KTCK II	1 (52)	- Yêu cầu HS nắm vững kiến thức được học trong chương trình từ bài 9 đến bài 11 - Nội dung: Bài 9 đến bài 11 20%, bài 12,13 80% - Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận

2. Chuyên đề lựa chọn (Cả năm 35 tuần = 35 tiết)

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)
1	Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam	15 (Tuần 1-15)	- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu...(2) - Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu...(2) - Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu...(2) - Liệt kê được những thành tựu chính thời Mạc. Nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc (2) - Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lê trung hưng về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu... (2) - Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng (1) - Mô tả được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu...(3) - Nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn (1)
2	Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX	10 (Tuần 16- 25)	- Giải thích được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc CTTG (1) - Đánh giá được những hậu quả và tác động của hai cuộc CTTG (1) - Phân tích được khát vọng hòa bình và cuộc ĐT vì hòa bình của nhân dân TG thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh hòa bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hòa bình của LX; những nỗ lực XD hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; PT Mặt trận nhân dân chống PX và nguy cơ CT. Nêu được ý nghĩa của PT KC chống PX vì hòa bình của nhân dân TG trong cuộc CTTG thứ hai. Phân tích được ý nghĩa của cuộc CT vệ quốc vĩ đại của nhân dân LX (3) - Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của CT lạnh (1) - Đánh giá được những hậu quả của cuộc CT lạnh đối với TG nói chung và VN nói riêng (2) - Phân tích được nguyên nhân kết thúc CT lạnh và tác động đối với TG nói chung và VN nói riêng (2)

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý:Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)
			- Giải thích được vì sao sau CT lạnh, các cuộc CT, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện 11/9/2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, CT Iraq, Afhanistan, các cuộc CT ở khu vực Trung Đông - Suu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc ĐT vì hòa bình của nhân dân TG trong CT lạnh: Đại hội hòa bình TG ngày 26/4/1949 (Paris), sự thành lập Hội đồng hòa bình TG và các hoạt động chính - Nêu được nét chính về PT quốc tế ủng hộ cuộc ĐTGPDĐT, ủng hộ cuộc KC chống Mỹ, cứu nước của nhân dân VN thông qua ví dụ cụ thể - Giải thích được vì sao cuộc ĐT vì hòa bình của nhân dân TG vẫn tiếp diễn sau khi CT lạnh kết thúc - Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc ĐT vì hòa bình của nhân dân TG
3	Danh nhân trong lịch sử Việt Nam	10 (Tuần 26-35)	- Giải thích được khái niệm danh nhân. Nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong LSDT (1) - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu LS để hiểu được thân thế, sự nghiệp một số nhà chính trị nổi tiếng trong LSVN thời cổ - trung đại. Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong LSVN thời cổ - trung đại. Có ý thức trân trọng những đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong LSDT (2) - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu LS để hiểu được thân thế, sự nghiệp một số danh nhân quân sự trong LSVN. Đánh giá được vai trò của danh nhân quân sự trong LSVN. Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong LSDT (2) - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu LS để hiểu về một số danh nhân văn hóa trong LSVN. Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của danh nhân văn hóa trong LSVN thông qua ví dụ cụ thể. Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân văn hóa trong LSDT (2) - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để hiểu về một số danh nhân trong LSVN về lĩnh vực KH-công nghệ và GD-ĐT. Nêu được nhận xét về đóng góp của danh nhân KH-công nghệ và GD-ĐT trong LSDT (3)

3. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài KT, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)	Hình thức
Giữa kì 1	45 phút	Tuần 9	1. Kiến thức: - Nhận biết: Học sinh nhận biết được những nội dung cơ bản của chương trình lịch sử 11 từ bài 1 đến hết bài 5. - Thông hiểu: Hiểu được các nội dung chủ yếu về CMTS và sự phát triển của CNTB; CNXH từ năm 1917 đến nay và quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia ĐNA - Vận dụng: Bước đầu nhận xét, đánh giá được các nội dung chủ yếu của lịch sử từ bài 1 đến bài 5. Biết vận dụng những kiến thức đã học để bước đầu phân tích và đánh giá những vấn đề của thực tiễn 2. Năng lực: - Tư duy, phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử. - Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng trình bày vấn đề, viết bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện. 3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức độc lập suy nghĩ, tự giác, trung thực làm bài không dựa dẫm vào người khác.	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%
Cuối kì 1	45 phút	Tuần 18	1. Kiến thức: - Nhận biết: Học sinh nhận biết được những nội dung cơ bản của lịch sử giới trong chương trình lịch sử 11 từ thế bài 1 đến hết bài 8 - Thông hiểu: + Hiểu được các nội dung chủ yếu về CMTS và sự phát triển của CNTB; CNXH từ năm 1917 đến nay; quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia ĐNA; CT bảo vệ Tổ quốc và CTGPDT trong LSVN (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) + Hiểu được ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ, Lê thánh Tông. - Vận dụng: Bước đầu nhận xét, đánh giá được các nội dung chủ yếu của lịch sử từ bài 1 đến bài 10. Biết vận dụng những kiến thức đã học để bước đầu phân tích và đánh giá những vấn đề của thực	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%

Bài KT, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)	Hình thức
			tiền 2. Năng lực: Tư duy, phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử. Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng trình bày vấn đề, viết bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện. 3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức độc lập suy nghĩ, tự giác, trung thực làm bài không dựa dẫm vào người khác.	
Giữa kì 2	45 phút	Tuần 26	1. Kiến thức - Nhận biết: Học sinh nhận biết được những nội dung cơ bản của lịch sử trong chương trình lịch sử 11 từ thế bài 9 đến hết bài 11 - Thông hiểu: Hiểu được một số cuộc cải cách lớn trong LSVN (trước năm 1858) - Vận dụng: Bước đầu nhận xét, đánh giá được các nội dung chủ yếu của lịch sử từ bài 9 đến bài 11. Biết vận dụng những kiến thức đã học để bước đầu phân tích và đánh giá những vấn đề của thực tiễn của VN và TG 2. Năng lực: Tư duy, phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử. Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng trình bày vấn đề, viết bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện. 3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức độc lập suy nghĩ, tự giác, trung thực làm bài không dựa dẫm vào người khác.	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%
Cuối kì 2	45 phút	Tuần 35	1. Kiến thức - Nhận biết: Học sinh nhận biết được những nội dung cơ bản của lịch sử trong chương trình lịch sử 11 từ thế bài 9 đến hết bài 13 - Thông hiểu: Hiểu được thành tựu một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam và cộng đồng các dân tộc Việt Nam; LS bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của VN. Biết vận dụng những kiến thức đã học để bước đầu phân tích và đánh giá những vấn đề của thực tiễn của VN và TG 2. Năng lực: Tư duy, phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử. Rèn	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%

Bài KT, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý:Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)	Hình thức
			luyện cho học sinh các kỹ năng trình bày vấn đề, viết bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện. 3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức độc lập suy nghĩ, tự giác, trung thực khi làm bài	

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: LỊCH SỬ KHỐI LỚP: 12**

1. Phân phối chương trình

* Lớp không chuyên đề lựa chọn: Cả năm 52 tiết

+Kỳ I: 17 tuần x 2 + (tuần 18: 1 tiết)= 35 tiết

+Kỳ II: 17 tuần x 1 = 17 tiết

* Lớp có chuyên đề lựa chọn: Cả năm 87 tiết

+Kỳ I: 17 tuần x 2 + (tuần 18: 1 tiết) = 35 tiết

+Kỳ II: 17 tuần x 1 = 17 tiết

+ 35 tiết chuyên đề trong cả năm học.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý:Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)(3)	Ghi chú (4)
CHỦ ĐỀ 1. THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH				
1	Bài 1. Liên hợp quốc	2 (1,2)	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập Liên hợp quốc. - Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc. - Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.	

			- Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.	
2	Bài 2. Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh	2 (3,4)	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực Yalta. - Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực Yalta. - Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực Yalta. - Phân tích được tác động sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực Yalta đối với tình hình thế giới.	
3	Bài 3. Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh	2 (5,6)	- Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh. - Trình bày được khái niệm đa cực. - Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. - Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh lạnh để giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế.	
4	Thực hành chủ đề 1	2 (7,8)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.	
CHỦ ĐỀ 2. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ				
5	Bài 4. Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	2 (9,10)	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN. - Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN. - Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.	

			- Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay).	
6	Bài 5. Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực	2 (11,12)	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN. - Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.	
7	Thực hành chủ đề 2	1 (13)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm. - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.	
CHỦ ĐỀ 3. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)				
8	Bài 6. Cách mạng tháng Tám năm 1945	2 (14,15)	- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Phân tích được ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.	
9	Bài 7. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)	2 (16,17)	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.	
10	KTGK I	18	- Nội dung: Bài 1 đến bài 7 - Hình thức kiểm tra: trắc nghiệm.	
11	Bài 8. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)	3 (19,20,21)	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	

			- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.	
12	Bài 9. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay	2 (22,23)	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. - Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính về cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 năm 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng biên giới phía bắc và ở Biển Đông từ năm 1979 đến nay. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay.	
13	Thực hành chủ đề 3	2 (24,25)	– Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học. - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm.	
CHỦ ĐỀ 4. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY				
14	Bài 10. Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay	2 (26,27)	- Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.	
15	Bài 11. Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	3 (28, 29,30)	- Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế. - Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.	
16	Thực hành chủ đề 4	2 (31,32)	– Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học. - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm.	

CHỦ ĐỀ 5. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI				
17	Bài 12. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975	1 (33)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945). - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954. - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ 1954-1975.	
18	Ôn tập	1 (34)	Hệ thống hóa các kiến thức đã học.	
19	KTCK I	1 (35)	- Nội dung kiểm tra: toàn bộ kiến thức HKI - Hình thức: Trắc nghiệm.	
20	Bài 12. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975	2 (36,37)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945). - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954. - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ 1954-1975.	
21	Bài 13. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay	2 (38, 39)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 - 1985. - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay. - Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế	
22	Thực hành chủ đề 5	1 (40)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học. - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm.	
CHỦ ĐỀ 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM				
23	Bài 14. Khái quát về cuộc đời	2	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc	

	và sự nghiệp của Hồ Chí Minh	(41,42)	đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. - Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh. - Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. - Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ. - Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh. - Nêu được ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước.	
24	KTGK II	1 (43)	- Nội dung kiểm tra: toàn bộ kiến thức đã học - Hình thức: Trắc nghiệm.	
25	Bài 15. Hồ Chí Minh – Anh hùng Giải phóng dân tộc	3 (44,45,46)	- Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941), thành lập Mặt trận Việt Minh, thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 tháng 5 năm 1941) và vai trò của Hồ Chí Minh. - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám (1945 - 1946) khi thực hiện chủ trương “hoà để tiến” thông qua việc kí Hiệp định Sơ bộ (ngày 06 tháng 3 năm 1946) và bản Tạm ước (ngày 14 tháng 9 năm 1946). - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954). - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ	

			(1954 - 1969). - Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.	
26	Bài 16. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam	2 (47,48)	- Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh. - Nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi đối với dân tộc Việt Nam. - Có ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.	
27	Thực hành chủ đề 6	2 (49,50)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học. - Học sinh làm PP trình chiếu theo nhóm.	
28	Ôn tập	1 (51)	Hệ thống hóa các kiến thức đã học.	
29	KTCK II	1 (52)	- Nội dung kiểm tra: Toàn bộ kiến thức HKII - Hình thức: Trắc nghiệm.	

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông): cả năm 35 tuần- 35 tiết

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý:Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu) (3)
1	CHUYÊN ĐỀ 1 – Lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	15 (Tuần 1 – 15)	– Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo. - Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam và chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng (như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và Quốc Tổ Hùng Vương, thờ Mẫu, thờ Thành hoàng, thờ anh hùng dân tộc,...) thông qua hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế ở địa phương. – Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống văn hoá – xã

			hội Việt Nam. - Chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá – xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa ở địa phương. – Nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo (gồm Công giáo, Tin Lành) và Đạo giáo trong đời sống văn hoá – xã hội. Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác (như: đạo Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Hồi giáo,...).
2	CHUYÊN ĐỀ 2 – Nhật Bản: hành trình lịch sử từ năm 1945 đến nay	10 (Tuần 16-25)	- Nêu được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng: quá trình dân chủ hoá, những chuyển biến về kinh tế, xã hội. - Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản. - Phân tích được những nét chính về tình hình chính trị – xã hội Nhật Bản trong những năm 1952-1973. – Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000. - Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản trong những năm 1973-2000. - Trình bày được quá trình cải cách và phục hồi kinh tế của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI. - Phân tích được những chuyển biến về chính trị, xã hội của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI: mặt tích cực, mặt tiêu cực.
3	CHUYÊN ĐỀ 3 – Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	10 (Tuần 26 – 35)	- Giải thích được khái niệm toàn cầu hoá; biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về toàn cầu hoá. – Phân tích được những biểu hiện, tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hoá thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được khái niệm hội nhập quốc tế. Nêu được các lĩnh vực hội nhập quốc tế: kinh tế, chính trị, an ninh - quốc phòng, văn hoá, giáo dục,... thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được những tác động (tích cực và tiêu cực) của toàn cầu hoá đối với Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu quá trình Việt Nam hội

			nhập khu vực và thế giới. – Phân tích được vai trò và đóng góp của Việt Nam trong tổ chức ASEAN (trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, an ninh, văn hoá, xã hội,...). Nêu được những nét chính về quá trình Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế (Liên hợp quốc, các tổ chức khác).
--	--	--	--

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý:Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu) (3)	Hình thức (4)
Giữa kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Vận dụng kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 11 để làm bài kiểm tra với 3 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng.	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%
Cuối kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra với 3 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng.	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%
Giữa kỳ 2	45 phút	Tuần 26	Vận dụng kiến thức đã học từ bài 12 đến bài 14 để làm bài kiểm tra với 3 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng.	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%
Cuối kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra với 3 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng .	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN HỌC: ĐỊA LÍ; KHỐI LỚP 10,11,12 (BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

(Năm học 2025 - 2026)

A. Đặc điểm tình hình

a. Số lớp: 13

*Lớp 10 : Số lớp: 03; Số học sinh: 106; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 40

*Lớp 11 : Số lớp: 05; Số học sinh: 219; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 45

*Lớp 12 : Số lớp: 4 lớp; Số học sinh: 171; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 83

b. Tình hình đội ngũ:

Số giáo viên:..02.; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 00 Đại học:..02; Trên đại học: 00

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ²: Tốt: 0; Khá: 02 ; Đạt:00; Chưa đạt:00

c. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

Khối 10

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bản đồ tự nhiên Việt Nam	01	- Bài 2. Sử dụng bản đồ - Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất - Bài 14. Vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
2	Bản đồ dân cư Việt Nam	01	- Bài 2. Sử dụng bản đồ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
3	Bản đồ kinh tế chung Việt Nam	01	- Bài 2. Sử dụng bản đồ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
4	Quả địa cầu	01	- Bài 3. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng - Bài 4. Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
5	Bản đồ các mảng kiến tạo và các vành đai động đất, núi lửa	01	- Bài 3. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng - Bài 5. Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
6	Bản đồ tự nhiên thế giới.	01	- Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất - Bài 7. Khí quyển. Nhiệt độ không khí - Bài 8. Khí áp, gió và mưa - Bài 10. Thủy quyển. Nước trên lục địa - Bài 11. Nước biển và đại dương - Bài 29. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên - Bài 30. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

² Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

7	Bản đồ khí hậu thế giới	01	- Bài 7. Khí quyển. Nhiệt độ không khí - Bài 8. Khí áp, gió và mưa - Bài 9. Thực hành: Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. Phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
8	Bản đồ các kiểu thảm thực vật và các nhóm đất chính trên Trái Đất	01	- Bài 12. Đất và sinh quyển - Bài 13. Thực hành: Phân tích bản đồ, sơ đồ về phân bố của đất và sinh vật trên thế giới - Bài 15. Quy luật địa đới và phi địa đới	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
9	Bản đồ dân cư thế giới	01	- Bài 16. Dân số và gia tăng dân số. Cơ cấu dân số - Bài 17. Phân bố dân cư và đô thị hóa	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
10	Bản đồ nông nghiệp thế giới	01	- Bài 20. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản - Bài 21. Địa lí các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản - Bài 22. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
11	Bản đồ công nghiệp thế giới	01	- Bài 23. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp - Bài 24. Địa lí một số ngành công nghiệp - Bài 25. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
12	Bản đồ giao thông vận tải thế giới	01	Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
13	Bản đồ thương mại thế giới	01	Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
14	Bản đồ du lịch thế giới	01	Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

Khối 11:				
STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bản đồ các nước trên thế giới	01	Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế-xã hội của các nhóm nước. Bài 2. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. Bài 3. Thực hành. Tìm hiểu về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. Bài 4. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu. Bài 5. Thực hành. Viết báo cáo về nền kinh tế tri thức.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
2	- Bản đồ tự nhiên khu vực Mỹ Latinh - Bản đồ các nước Mỹ Latinh - Bản đồ kinh tế Mỹ la-tinh	01	Bài 6. Vị trí địa lí.Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. Bài 7. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
3	Bản đồ kinh tế Cộng hòa Liên bang Bra-xin.	01	Bài 8. Thực hành: Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở Cộng hoà Liên bang Bra-xin.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
4	Bản đồ các nước châu Âu	01	Bài 9. Liên minh Châu Âu - Một liên kết kinh tế khu vực lớn.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
5	Bản đồ Kinh tế Cộng hoà Liên bang Đức.	01	Bài 10. Thực hành: Viết báo cáo về công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
6	Bản đồ Tự nhiên Đông Nam Á.	01	Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
7	- Bản đồ các nước Đông Nam Á. - Bản đồ kinh tế Đông Nam Á	01	Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á. Bài 12. Kinh tế khu vực Đông Nam Á. Bài 13. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
8	- Bản đồ Tự nhiên Tây	01	Bài 15. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã	Có thể thay thế bằng file

	Nam Á - Bản đồ các nước Tây Nam Á - Bản đồ kinh tế khu vực Tây Nam Á		hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á. Bài 16. Kinh tế khu vực Tây Nam Á.	ảnh trình chiếu
9	- Bản đồ tự nhiên Hoa Kỳ. - Bản đồ dân cư Hoa Kỳ.	01	Bài 18. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
10	Bản đồ kinh tế Hoa Kỳ	01	Bài 19. Kinh tế Hoa Kỳ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
11	- Bản đồ tự nhiên Liên bang Nga. - Bản đồ dân cư Liên bang Nga.	01	Bài 20. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
12	Bản đồ kinh tế Liên bang Nga	01	Bài 21. Kinh tế Liên bang Nga	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
13	- Bản đồ tự nhiên Nhật Bản. - Bản đồ dân cư Nhật Bản.	01	Bài 23. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
14	Bản đồ kinh tế Nhật Bản	01	Bài 24. Kinh tế Nhật Bản	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
15	- Bản đồ tự nhiên Trung Quốc. - Bản đồ dân cư Trung Quốc.	01	Bài 26. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Trung Quốc	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
16	Bản đồ kinh tế Trung Quốc.	01	Bài 27. Kinh tế Trung Quốc	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
17	- Bản đồ tự nhiên Cộng hoà Nam Phi. - Bản đồ dân cư Cộng hoà Nam Phi.	01	Bài 30. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Cộng hoà Nam Phi	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
18	Bản đồ Kinh tế Cộng hoà	01	Bài 31. Kinh tế Cộng hoà Nam Phi	Có thể thay thế bằng file

	Nam Phi.			ảnh trình chiếu
Khối 12				
STT	Thiết bị dạy học 12	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bản đồ các nước Đông Nam Á	01	Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
2	Bản đồ tự nhiên Việt Nam	01	- Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ - Bài 2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa - Bài 3. Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên - Bài 5. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường - Bài 28. Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
3	Bản đồ dân cư Việt Nam	01	- Bài 6. Dân số lao động việc làm. - Bài 7. Đô thị hoá - Bài 8. Thực hành: Viết báo cáo về dân số - lao động, việc làm.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
4	Bản đồ kinh tế chung	01	Bài 9. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
5	Bản đồ nông, lâm, thủy sản	01	- Bài 10. Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản - Bài 11. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. - Bài 12. Thực hành: Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích về tình hình phát triển và sự chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
6	Bản đồ công nghiệp chung	01	- Bài 13. Vấn đề phát triển công nghiệp - Bài 14. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp - Bài 15. Thực hành: Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu

			thích về tình hình phát triển các ngành CN của nước ta.	
7	Bản đồ giao thông vận tải Việt Nam	01	- Bài 16. Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
8	Bản đồ du lịch Việt Nam	01	- Bài 17. Thương mại và du lịch - Bài 18. Thực hành: Tìm hiểu thực tế về một số hoạt động và sản phẩm dịch vụ ở địa phương.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
9	Bản đồ Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	01	- Bài 19. Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
10	Bản đồ Vùng Đồng bằng sông Hồng	01	- Bài 20. Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
11	Bản đồ Vùng Bắc Trung Bộ	01	- Bài 21. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
12	Bản đồ vùng Duyên hải Nam Trung Bộ	01	- Bài 22. Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
13	Bản đồ Vùng Tây Nguyên	01	- Bài 23. Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
14	Bản đồ Vùng Đông Nam Bộ	01	- Bài 24. Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
15	Bản đồ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	01	- Bài 25. Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Bài 26. Thực hành: Tìm hiểu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long và các giải pháp ứng phó.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
16	Bản đồ các vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam.	02	- Bài 27. Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
17	Bản đồ phát triển kinh tế biển đảo và các đảo, quần đảo của Việt Nam.	01	- Bài 28. Phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo. - Bài 29. Thực hành: Viết và trình bày báo cáo về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.	Có thể thay thế bằng file ảnh trình chiếu
18	Bản đồ tự nhiên, hành	02	- Bài 30. Thực hành tìm hiểu địa lí địa phương	Có thể thay thế bằng file

	chính tỉnh Quảng Nam. Bản đồ dân cư và kinh tế Tỉnh Quảng Nam			ảnh trình chiếu
--	---	--	--	-----------------

d. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn	1	Sinh hoạt tổ chuyên môn, kèm học sinh yếu	
2	Phòng thư viện	1	Tìm kiếm tài liệu, bổ sung nội dung kiến thức, mở rộng kiến thức, hình thành năng lực cho học sinh.	

B. Kế hoạch dạy học³

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC: ĐỊA LÍ; KHỐI LỚP 10 (BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)	Ghi chú
1	Bài 1. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp	1	1. Về kiến thức, kỹ năng - Khái quát được những đặc điểm cơ bản của môn Địa lí. - Xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống - Liên hệ kiến thức môn Địa lí đã học, mối quan hệ giữa kiến thức môn Địa lí và kiến thức các môn học có liên quan. - Xác định được các ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí, giải thích được tại sao kiến thức môn Địa lí lại có lợi thế và phát huy tốt trong nhiều lĩnh vực	

³ Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

		ngành nghiệp khác nhau trong cuộc sống. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. – Yêu thích và gắn bó với nghề nghiệp liên quan đến môn Địa lí,	
--	--	--	--

2	Bài 2. Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ	2 (2,3)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí lên bản đồ: phương pháp kí hiệu, phương pháp kí hiệu đường chuyển động, phương pháp bản đồ – biểu đồ, phương pháp chấm điểm, phương pháp khoanh vùng... - Nhận biết các phương pháp thể hiện đối tượng địa lí trên các bản đồ bất kì. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (atlat địa lí, khai thác internet trong học tập.) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học phát hiện phương pháp tiến hành ở từng bản đồ cụ thể, có thể tự xây dựng và xác định từng phương pháp biểu hiện các đối tượng trên bản đồ theo yêu cầu,... - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. – Tràn trề trong các sản phẩm bản đồ trong quá trình sử dụng
3	Bài 3. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.	1 (4)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và đời sống. - Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. 2. Về năng lực – Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet trong học tập. – Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống: sử dụng được các ứng dụng của GPS và bản đồ số trong thực tế.

			- Năng lực chung; năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Sử dụng các ứng dụng của GPS và bản đồ số hiệu quả, lành mạnh
4	Bài 4. Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái đất	1 (5)	1. Về kiến thức kĩ năng - Trình bày nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của trái đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất - Phân biệt khoáng vật và đá, các nhóm đá theo nguồn gốc. - Sử dụng các hình ảnh, mô hình để phân tích cấu trúc, đặc điểm của vỏ trái đất và nhận biết các loại đá chính. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh ..) khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực văn dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
5	Bài 5. Hệ quả địa lí các chuyển động của	3 (6, 7, 8)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, quả trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ).

	Trái Đất		- Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm. - Sử dụng hình vẽ, bản đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh khai thác internet phục vụ môn học) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống. - Năng lực chung: tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Hình thành thế giới quan khoa học, khách quan, bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, - Tôn trọng các quy luật tự nhiên.	
6	Bài 6. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng	2 (9, 10)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm thạch quyển, phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng, vận dụng để giải thích nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa. - Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về chuyển động của các mảng kiến tạo. - Nhận xét và giải thích sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa, là nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, lược đồ, sơ đồ, mô hình, tranh ảnh..), khai thác	

			internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lý giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên. Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.	
7	Bài 7. Nội lực và ngoại lực	2 (11, 12)	1. Về kiến thức, kỹ năng - Trình bày được khái niệm nội lực và ngoại lực, nguyên nhân của chúng, tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. - Phân tích được sơ đồ hình ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lý: giải thích hiện tượng và quá trình địa lý - Năng lực tìm hiểu địa lý sử dụng các công cụ địa lý học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng địa lý đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lý giải quyết một số vấn đề thực tiễn. 3. Về phẩm chất - Hình thành thế giới quan khoa học, khách quan, bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
8	Bài 8. Thực hành: Sự phân bố các vành đai động đất,	1 (13)	1. Về kiến thức, kỹ năng - Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ - Đọc được bản đồ vành đai động đất, núi lửa. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lý nhận thức thế giới theo quan điểm không	

	núi lửa		gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Tôn trọng các quy luật tự nhiên. - Chia sẻ với người dân các nước có nhiều thiên tai.	
CHÚ Ý: VỚI LỚP HỌC CHUYÊN ĐỀ SẼ BẮT ĐẦU HỌC CHUYÊN ĐỀ 1(KHÍ HẬU -13 TIẾT) TỪ HẾT TIẾT 13 THEO KHGD CHUNG; NẾU CÓ KT GIỮA HỌC KÌ 1 SẼ LINH ĐỘNG ĐƯA TIẾT ÔN TẬP VÀO GIỮA THỜI GIAN HỌC CHUYÊN ĐỀ VÀ ĐẨY TIẾT CHUYÊN ĐỀ LÙI RA. HẾT TIẾT 13 CHUYÊN ĐỀ 1 SẼ TIẾP TỤC HỌC CHƯƠNG TRÌNH THEO KH MÔN CHUNG				
9	Ôn tập giữa kì I	1 (14)	1. Kiến thức: Ôn tập, Hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức của các chương đã học: - Một số vấn đề chung - Chương I: Sử dụng bản đồ - Chương II: Trái Đất - Chương III: Thạch quyển 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
10	Kiểm tra giữa kì I	1 (15)	1. Kiến thức: - Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh. - Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.	

			- Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. - Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất. - Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
11	Bài 9. Khí quyển, các yếu tố khí hậu	4 (16, 17, 18, 19)	1. Về kiến thức, kĩ năng – Nếu được khái niệm khí quyển. - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ, đại dương, địa hình. - Trình bày được sự hình thành các đại khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp. - Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất, một số loại gió địa phương - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. - Phân tích được các số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa,..) - Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, sơ đồ, mô hình tranh ảnh,...), khai thác internet phục vụ môn học.	

			— Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. - Tôn trọng các quy luật khí hậu.	
12	Bài 10. Thực hành: Đọc bản đồ các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất, phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu	1 (20)	1. Kiến thức: - Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. Sử dụng được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất để phân tích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. - Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. 3. Phẩm chất: - Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để	

			hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.	
13	Bài 11. Thủy quyền, nước trên lục địa	2 (21, 22)	1. Kiến thức: - Nêu được khái niệm thủy quyền. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông và trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể. - Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành. - Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm. - Vẽ được sơ đồ; phân tích hình vẽ về thủy quyền. - Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. - Sử dụng các công cụ địa lí, biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (nhất là nguồn nước)	
14	Bài 12. Nước biển và đại	2 (23,24)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương. - Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều.	

	dương		- Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương. - Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội. - Về được sơ đồ, phân tích được bản đồ và hình vẽ về nước biển và đại dương.. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, sơ đồ, mô hình, bảng số liệu, tranh ảnh...), khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.	
15	Bài 13. Thực hành: Phân tích chế độ nước của sông Hồng	1 (25)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể (sông Hồng). - Phân tích số liệu thống kê, vẽ biểu đồ lưu lượng nước sông và nhận xét chế độ nước sông 2. Về năng lực - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ của địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Phẩm chất: - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi	

			tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (nhất là tài nguyên nước).	
16	Bài 14. Đất trên Trái Đất	2 (26,27)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm về đất. - Phân biệt được đất và vỏ phong hoá. - Xác định được các tầng đất. - Phân tích được năm nhân tố hình thành đất và liên hệ với đất địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các nhân tố tác động đến quá trình hình thành đất. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (mô hình, tranh ảnh khai thác internet phục vụ môn học.) 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
17	Bài 15. Sinh quyển	2 (28,29)	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm sinh quyển; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. - Liên hệ được thực tế ở địa phương. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, xác định và lí giải được sự phân bố của sinh quyển. - Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất:	

			- Tôn trọng sự tồn tại của các loài sinh vật trên Trái Đất. - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập.	
18	Bài 16. Thực hành: Tìm hiểu về sự phân bố đất và sinh vật trên Trái Đất	2 (30,31)	- Về kiến thức, kỹ năng - Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên Trái Đất - Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích được các hiện tượng và quá trình địa lí (phân tích được sự phân bố đất và sinh vật.) - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, sau đó, tranh ảnh khai thác internet) phục vụ môn học. - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.	
19	Bài 17. Vỏ địa lí, quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí	1 (32)	- Về kiến thức, kỹ năng - Trình bày khái niệm vỏ địa lí, phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí, liên hệ được thực tế ở địa phương. - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí. - Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí; nhận thức thế giới theo quan điểm không gian giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh, khai thác internet phục vụ môn học) - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực	

			tế vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn, - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, hình thành thế giới quan khoa học khách quan. – Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
20	Bài 18. Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới	2 (33,34)	1. Về kiến thức kĩ năng - Trình bày khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và phi địa đới, liên hệ thực tế địa phương. - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí. 2. Về năng lực. - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh, khai thác internet) phục vụ môn học.. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
21	Ôn tập cuối kì I	1 (35)	1. Kiến thức: Hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I:	

			- Một số vấn đề chung. - Trái Đất. - Thạch quyển. - Khí quyển. - Thủy quyển. - Sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
22	Kiểm tra cuối kì I	1 (36)	1. Kiến thức: Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: - Một số vấn đề chung. - Trái Đất. - Thạch quyển. - Khí quyển. - Thủy quyển. - Sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất:	

			- Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
23	Bài 19. Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới	3 (37,38,39)	1. Về kiến thức, kỹ năng - Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới. - Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư nhập cư), trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số. - Trình bày được các loại cơ cấu dân số; cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động trình độ văn hoá). - So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu. - Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu). - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lý số liệu. - Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lý nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lý - Năng lực tìm hiểu địa lý: sử dụng các công cụ địa lý học (bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh....), khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lý giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình cảm yêu thương người lao động. thái độ tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.	
24	Bài 20. Phân bố dân cư và	2 (40,41)	1. Kiến thức, kỹ năng - Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư.	

	đô thị hóa trên thế giới		- Trình bày khái niệm, phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá, ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh xã hội và môi trường - Vẽ được biểu đồ dân số (quy mô động thái, cơ cấu..) - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số 1. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhân chức thể giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh), khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức để giải quyết vấn đề thực tiễn, - Năng lực chung. Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, - Tình thành thể giới quan khoa học khách quan . - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.	
25	Bài 21. Các nguồn lực phát triển kinh tế	1 (42)	1. Kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực, phân tích được vai trò của mỗi nguồn lực đối với phát triển kinh tế. - Phân tích được sơ đồ nguồn lực phát triển kinh tế. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhân chức thể giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh), khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức để giải quyết vấn đề thực tiễn, - Năng lực chung. Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng	

			lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, - Tình thành thế giới quan khoa học khách quan . - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.	
26	Bài 22. Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia	2 (43,44)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế, phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế the ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ - So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế, tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNT bình quân đầu người. - Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương. - Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích, 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, phân tích các mối liên hệ giữa các hiện tượng quá trình địa lí tự nhiên với các đối tượng kinh tế - xã hội -Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học (bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh...), khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế và dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.	
27	Bài 23. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh	1 (45)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.	

	hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản		- Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa là nhận thức thế giới theo quan, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, phân tích các mối liên hệ giữa các hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên và các đối tượng kinh tế - xã hội. - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí phục vụ môn học - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Có ý thức trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	
28	Bài 24. Địa lí ngành nông nghiệp	2 (46,47)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp. - Trình bày và phải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp - Đọc được bản đồ, xử lí, phân tích số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học như bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh...) khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực	

			tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 2. Về phẩm chất - Chăm chỉ trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học "Tách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên phát triển nông nghiệp bền vững.	
29	Bài 25. Địa lí ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản	1 (48)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong lâm nghiệp thủy sản. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất lâm nghiệp thủy sản ở địa phương. - Đọc được bản đồ, xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về lâm nghiệp, thủy sản. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ như: bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh.. khai thác internet phục vụ môn học - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên để phát triển lâm nghiệp và thủy sản bền vững	
30	Bài 26. Tổ chức lãnh thổ nông	1 (49)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.	

	ng nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai		- Nếu được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới. - Phân tích được những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp làm nghiệp, thủy sản ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác nhằm giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp là tài nguyên thiên nhiên, phát triển nông nghiệp bền vững	
31	Bài 27. Thực hành: Vẽ và nhận xét biểu đồ về sản lượng lương thực của thế giới	1 (50)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Xử lí, phân tích được bảng số liệu thống kê. - Vẽ được biểu đồ nông, lâm, thủy sản. - Nhận xét theo yêu cầu. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.	

			3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển nông nghiệp bền vững	
CHÚ Ý: VỚI LỚP HỌC CHUYÊN ĐỀ SẼ BẮT ĐẦU HỌC CHUYÊN ĐỀ 2 (ĐÔ THỊ HÓA -12 TIẾT) TỪ HẾT TIẾT 50 THEO KHGD CHUNG; NẾU CÓ KT GIỮA HỌC KÌ 2 SẼ LINH ĐỘNG ĐƯA TIẾT ÔN TẬP VÀO GIỮA THỜI GIAN HỌC CHUYÊN ĐỀ VÀ Đẩy TIẾT CHUYÊN ĐỀ LÙI RA. HẾT TIẾT 12 CHUYÊN ĐỀ 2 SẼ TIẾP TỤC HỌC CHƯƠNG TRÌNH THEO KH MÔN CHUNG				
32	Ôn tập giữa kì II	1 (51)	1. Kiến thức: - Giúp HS nắm bắt lại một số vấn đề, nội dung kiến thức quan trọng ở một số bài học ở chương 8, Chương 9, Chương 10 (hết bài 27). - Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản, nắm vững, khác sâu kiến thức sau khi đã học. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
33	Kiểm tra giữa kì II	1 (52)	1. Kiến thức: - Chương 8: Địa lí dân cư. - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 10: Địa lí các ngành kinh tế ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (hết bài 27) 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng	

			kiến thức, kỹ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
34	Bài 28. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp	1 (53)	1. Về kiến thức, kỹ năng - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lý, xác định và lý giải được sự phân bố của các đối tượng địa lý. - Năng lực tìm hiểu địa lý: sử dụng các công cụ địa lý học, khai thác internet phục vụ môn học (tìm kiếm, thu thập chọn lọc và hệ thống hóa các thông tin địa lý cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn). - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin này để cập nhật số liệu, tri thức liên hệ được thực tế địa phương, đất nước... để làm sáng tỏ hơn kiến thức địa lý: vận dụng được các kiến thức, kỹ năng địa lý để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Rèn luyện tính chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học. - Giáo dục thế giới quan khoa học. - Ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
35	Bài 29. Địa lý một số	2 (54,55)	1. Về kiến thức, kỹ năng - Trình bày được vai trò đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành	

	ngành công nghiệp		khai thác than, dầu khí, quặng kim loại, điện lực, điện tử- tin học, sản xuất hàng tiêu dùng, thực phẩm. - Đọc được bản đồ công nghiệp và phân tích được biểu đồ công nghiệp 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học tìm kiếm thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức liên hệ được thực tế địa phương, đất nước làm sáng tỏ hơn kiến thức địa lí. - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên, tình cảm yêu thương người lao động, thái độ tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau.	
36	Bài 30. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	1 (56)	1. Kiến thức: - Trình bày được quan niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. - Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất:	

			- Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có trách nhiệm trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và tham gia các hoạt động sản xuất phù hợp với bản thân. Hiểu và có trách nhiệm đối với sự phát triển nền công nghiệp trong tương lai.	
37	Bài 31. Tác động của công nghiệp đối với môi trường, phát triển năng lượng tái tạo, định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.	1 (57)	1. Kiến thức: - Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường. - Phân tích được sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo. - Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ của địa lí học, khai thác internet phục vụ bộ môn. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
38	Bài 32. Thực hành: Viết báo cáo tìm hiểu một vấn đề về công	1 (58)	1. Kiến thức: - Thu thập tài liệu về một vấn đề công nghiệp. - Trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat...	

	nghiep		- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức phát triển kinh tế trong tương lai.	
39	Bài 33. Cơ cấu, vai trò, đặc điểm các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ	1 (59)	1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu của dịch vụ. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức trách nhiệm trong việc tham gia phát triển các ngành kinh tế phù hợp với năng lực bản thân (nhất là lĩnh vực dịch vụ).	
40	Bài 34. Địa lí ngành giao thông vận tải	2 (60,61)	1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của giao thông vận tải. - Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và ngành giao thông vận tải.	

			- Liên hệ được các hoạt động giao thông vận tải tại địa phương. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Đồng cảm với những địa phương, vùng miền, quốc gia còn khó khăn trong điều kiện cơ sở hạ tầng, nhất là GTVT và bưu chính viễn thông. - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực học tập để mai sau đóng góp công sức cho việc xây dựng quê hương đất nước. Bảo vệ và giữ gìn mạng lưới GTVT. Xây dựng môi trường văn hóa trong tham gia giao thông.	
41	Bài 35. Địa lí ngành bưu chính viễn thông	1 (62)	1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành bưu chính viễn thông. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của bưu chính viễn thông. - Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và ngành bưu chính viễn thông. - Liên hệ được các hoạt động bưu chính viễn thông ở địa phương. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat...Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn	

			3. Phẩm chất: - Đồng cảm với những địa phương, vùng miền, quốc gia còn khó khăn trong điều kiện cơ sở hạ tầng, nhất là GTVT và bưu chính viễn thông. - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực học tập để mai sau đóng góp công sức cho việc xây dựng quê hương đất nước. Bảo vệ và giữ gìn mạng lưới bưu chính viễn thông. Xây dựng môi trường văn hóa khi sử dụng bưu chính viễn thông.	
42	Bài 36. Địa lí ngành du lịch	1 (63)	1. Kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành du lịch. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của du lịch. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành du lịch trên thế giới. - Vẽ được biểu đồ và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê du lịch. - Liên hệ được các hoạt động du lịch ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	

43	Bài 37. Địa lí ngành thương mại và ngành tài chính ngân hàng	2 (64,65)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành thương mại và tài chính ngân hàng. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành thương mại và tài chính ngân hàng. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành thương mại và tài chính ngân hàng trên thế giới. - Vẽ được biểu đồ, sơ đồ; đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành thương mại và tài chính ngân hàng. - Liên hệ được các hoạt động thương mại và tài chính ngân hàng ở địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí là nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, phân tích các mối liên hệ giữa các hiện tượng, quá trình địa lí. - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học như bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh.. khai thác internet phục vụ môn học... - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
44	Bài 38. Thực hành: Viết báo cáo tìm hiểu về một	1 (66)	1. Về kiến thức, kĩ năng Viết được báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực	

	ngành dịch vụ		tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực chung; năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan. - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
45	Bài 39. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	1 (67)	1. Kiến thức: - Phân biệt được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Phân tích được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí, biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ...Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Có ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lí và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.	
46	Bài 40. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	1 (68)	1. Về kiến thức, kĩ năng - Trình bày được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững - Trình bày được khái niệm và sự biểu hiện của tăng trưởng xanh. Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương. 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức địa lí: giải thích được những hệ quả do con người tác động đến môi trường tự nhiên; giải thích được tính cấp thiết của việc sử dụng hợp lí tài	

			nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. - Năng lực tìm hiểu địa lí: tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web, đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống. - Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ. - Trung thực, yêu thiên nhiên, có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường	
CHÚ Ý: VỚI LỚP HỌC CHUYÊN ĐỀ SẼ BẮT ĐẦU HỌC CHUYÊN ĐỀ 3 (PP VIẾT BC ĐỊA LÍ -10 TIẾT) TỪ HẾT TIẾT 68 THEO KHGD CHUNG; NẾU CÓ KT CUỐI HỌC KÌ 2 SẼ LINH ĐỘNG ĐƯA TIẾT ÔN TẬP VÀO GIỮA THỜI GIAN HỌC CHUYÊN ĐỀ VÀ ĐẨY TIẾT CHUYÊN ĐỀ LÙI RA.				
47	Ôn tập cuối kì II	1 (69)	1. Kiến thức: - Giúp HS ôn tập, củng cố nội dung kiến thức và kỹ năng trong học kì II: Chương 8, 9, 10, 11, 12, 13. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
48	Kiểm tra cuối kì II	1 (70)	1. Kiến thức: - Chương 8: Địa lí dân cư. - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 10: Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.	

		- Chương 11: Địa lí ngành công nghiệp - Chương 12: Địa lí ngành dịch vụ - Chương 13: Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
--	--	--	--

2. Chuyên đề lựa chọn

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý:Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)
1	Biến đổi khí hậu	13 (Tuần 1 – 13)	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm, các biểu hiện của biến đổi khí hậu. - Giải thích được nguyên nhân của biến đổi khí hậu. - Phân tích được các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả trên phạm vi toàn cầu. - Giải thích được tầm quan trọng và sự cấp bách của ứng phó với biến đổi khí hậu. - Hệ thống hóa được các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: + Phân tích được khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. - Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh,... - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. 3. Phẩm chất:

			- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có trách nhiệm trong việc chống biến đổi khí hậu.
2	Đô Thị Hóa	12 (Tuần 14 – 25)	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm về đô thị hóa theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Nêu được ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển. Phân biệt được quy mô của các đô thị. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước phát triển. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển. - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hóa đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển. Liên hệ được với thực tế Việt Nam. - So sánh được đặc điểm đô thị hóa giữa hai nhóm nước: phát triển, đang phát triển. - Xác định được trên bản đồ thế giới một số siêu đô thị. - Vẽ được biểu đồ cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới hoặc một số nước. 2. Năng lực: - Nhận thức khoa học địa lí: + Sử dụng được bản đồ để xác định được tỉ lệ dân thành thị, quy mô dân số đô thị. - Tìm hiểu địa lí: + Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas... + Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đô thị hóa.

			3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập. - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có nhận thức đúng đắn về quá trình đô thị hóa nước ta.
3	Phương pháp viết báo cáo địa lí	10 (Tuần 26 -35)	- Nêu được quan niệm về báo cáo địa lí. - Trình bày được cấu trúc của một báo cáo địa lí. - Xác định được các bước cần thực hiện để viết một báo cáo địa lí: chọn đề tài, xây dựng đề cương; thu thập, chọn lọc, xử lí và hệ thống hóa dữ liệu; trình bày báo cáo. - Xác định được ý tưởng và chọn đề tài báo cáo địa lí. - Xác định được cấu trúc của một đề cương báo cáo khoa học và nội dung chính xác của các đề mục. - Xác định và hình thành được kĩ năng thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin, hệ thống hóa thông tin. - Xác định được các hình thức trình bày báo cáo. - Trình bày được kĩ thuật viết một báo cáo địa lí; hình thành được kĩ năng viết và trình bày báo cáo địa lí.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý:Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)	Hình thức
------------------------	-----------	-----------	--	-----------

Giữa kỳ 1	45 phút	Tuần 8	1. Kiến thức: - Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh. - Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. - Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. - Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất. - Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%
Cuối kỳ 1	45 phút	Tuần 18	1. Kiến thức: Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: - Một số vấn đề chung. - Trái Đất. - Thạch quyển. - Khí quyển. - Thủy quyển. - Sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%

			dụng kiến thức, kỹ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
Giữa kỳ 2	45 phút	Tuần 26	1. Kiến thức: - Chương 8: Địa lí dân cư. - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 10: Địa lí các ngành kinh tế ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (hết bài 27) 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%
Cuối kỳ 2	45 phút	Tuần 35	1. Kiến thức: - Chương 8: Địa lí dân cư. - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế. - Chương 10: Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Chương 11: Địa lí ngành công nghiệp - Chương 12: Địa lí ngành dịch vụ - Chương 13: Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: ĐỊA LÍ; KHỐI LỚP 11 (KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý:Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)	Ghi chú
PHẦN MỘT. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI				
1	Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước.	2 (1,2)	1. Kiến thức: - Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người. - Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước. - Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước. - Phân tích được bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước. - Thu thập được tư liệu về kinh tế - xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.	

			- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố các nhóm nước trên thế giới theo trình độ phát triển và giải thích nguyên nhân. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích nguyên nhân dẫn đến sự phân chia thành các nhóm nước trên thế giới. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân chia các nhóm nước trên thế giới. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân chia thành các nhóm nước trên thế giới. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về quá khứ cũng như hiện tại phát triển của đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân.	
--	--	--	--	--

			- <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
2	Bài 2. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.	2 (3,4)	1. Kiến thức: - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế. Phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới. - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hóa kinh tế. Phân tích được ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. + Biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Giải thích được xu thế, nguyên nhân và hệ quả của quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa nền kinh tế. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>:	

			+ Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ.. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về xu thế, nguyên nhân và hệ quả của quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa nền kinh tế. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến xu thế, nguyên nhân và hệ quả của quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa nền kinh tế. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Quan tâm đến mối quan hệ hài hòa với những người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
3	Bài 3. Thực hành. Tìm hiểu về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế	1 (5)	1. Kiến thức: - Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển. - Xác định được cơ hội của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển. - Xác định được thách thức của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển. 2. Năng lực: * Năng lực chung:	

			- <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được những cơ hội và thách thức chủ yếu của các nước đang phát triển khi tham gia quá trình toàn cầu hóa. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về những cơ hội và thách thức chủ yếu của các nước đang phát triển khi tham gia quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến viết báo cáo về những cơ hội và thách thức chủ yếu của các nước đang phát triển khi tham gia quá trình toàn cầu hóa.	
--	--	--	--	--

			3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng năng lực, phẩm chất cũng như định hướng nghề nghiệp của cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
4	Bài 4. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu	2 (6,7)	- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). - Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ, ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i>	

			+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi của một số tổ chức quốc tế và khu vực. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được tên gọi, thời gian thành lập, vị trí, quy mô, thành viên, trụ sở, mục tiêu, nhiệm vụ của một số tổ chức quốc tế và khu vực. + Hiểu được các vấn đề: an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng. + Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về một số tổ chức quốc tế và khu vực. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến một số tổ chức quốc tế và khu vực. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Quan tâm đến mối quan hệ hài hòa với những người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân. Có ý thức tham gia, vận động, tuyên truyền	
--	--	--	--	--

			đề giữ gìn hòa bình trong nước và thế giới.	
5	Bài 5. Thực hành. Viết báo cáo về nền kinh tế tri thức.	1 (8)	1. Kiến thức: Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> Phát hiện và giải thích được đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực	

			tiền liên quan đến viết báo cáo về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái</i>: Có ý thức học hỏi các nền văn hoá trên thế giới. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
PHẦN HAI. ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA KHU VỰC MỸ LATINH				
6	Bài 6. Vị trí địa lí. Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh.	3 (9,10,11)	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được vấn đề đô thị hóa, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan.	

			- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi của Mỹ Latinh. > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, dân cư, xã hội của Mỹ Latinh. > Xác định và lí giải được sự phân bố các loại tài nguyên thiên nhiên Mỹ Latinh. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được vì sao đa số các nước Mỹ Latinh có nền văn hóa đa dạng. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tự nhiên, dân cư, xã hội Mỹ Latinh. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tự nhiên, dân cư, xã hội Mỹ Latinh. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo	
--	--	--	---	--

			vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
7	Bài 7. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh	2 (12,13)	1. Kiến thức: - Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định và lí	

			giải được sự phân bố các ngành kinh tế Mỹ Latinh. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được vì sao đa số các nước Mỹ Latinh phát triển không ổn định. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về kinh tế Mỹ Latinh. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế Mỹ Latinh. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
			1. Kiến thức: Viết được báo cáo truyền đạt những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Bra-xin và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i>	

8	Bài 8. Thực hành: Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở Cộng hoà Liên bang Bra-xin.	1 (14)	+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi của Bra-xin. > Thu thập được thông tin về tình hình kinh tế và vấn đề xã hội ở Bra-xin. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề kinh tế, xã hội ở Bra-xin. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tình hình kinh tế và vấn đề xã hội ở Bra-xin. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tình hình kinh tế và vấn đề xã hội ở Bra-xin.	
---	--	-----------	---	--

			3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
9	Ôn tập giữa học kì I	1 (15)	1. Kiến thức: Ôn tập, Hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức của các bài đã học: Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước. Bài 2. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. Bài 4. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu Bài 6. Vị trí địa lí.Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. Bài 7. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù:Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
10	Kiểm tra giữa kỳ I	1 (16)	1. Kiến thức: Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm	

			nước. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu Vị trí địa lí.Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù:Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)				
11	Bài 9. Liên minh Châu Âu - Một liên kết kinh tế khu vực lớn.	4 (17,18,19,20)	I. MỤC TIÊU 1. Kiến thức: - Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU. - Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của EU, hệ thống hóa và trình bày theo chủ đề. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.	

			+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi của Liên minh châu Âu (EU). + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân ra đời, phát triển; Mục đích và thể chế; Vị thế; Hợp tác và liên kết của EU trong nền kinh tế thế giới. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về nguyên nhân ra đời, phát triển; Mục đích và thể chế; Vị thế; Hợp tác và liên kết của EU trong nền kinh tế thế giới. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến nguyên nhân ra đời, phát triển; Mục đích và thể chế; Vị thế; Hợp tác và liên kết của EU trong nền kinh tế thế giới. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo	
--	--	--	---	--

			vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
12	Bài 10. Thực hành: Viết báo cáo về công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức	1 (21)	1. Kiến thức: Viết được báo cáo tìm hiểu về sự phát triển công nghiệp của Cộng hòa Liên bang Đức (CHLB Đức). 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi của cộng hòa liên bang Đức. > Thu thập được thông tin về sự phát triển công nghiệp của Cộng hòa Liên bang Đức.	

			+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề về tình hình phát triển công nghiệp của cộng hòa liên bang Đức. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tình hình phát triển công nghiệp của cộng hòa liên bang Đức. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tình hình phát triển công nghiệp của cộng hòa liên bang Đức. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
KHU VỰC ĐÔNG NAM Á				
			1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.	

13	Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á	2 (22,23)	- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, phạm vi lãnh thổ; Đặc điểm tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội các nước Đông Nam Á. > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của Đông Nam Á. > Xác định và lí giải được sự phân bố các đối tượng địa lí. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được các đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội Đông Nam Á. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông	
----	--	--------------	---	--

			tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, phạm vi lãnh thổ; Đặc điểm tự nhiên; Đặc điểm dân cư, xã hội các nước Đông Nam Á. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, phạm vi lãnh thổ; Đặc điểm tự nhiên; Đặc điểm dân cư, xã hội các nước Đông Nam Á. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
14	Bài 12. Kinh tế khu vực Đông Nam Á.	2 (24,25)	1. Kiến thức: - Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á. - Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp và công nghiệp khu vực Đông Nam Á, rút ra nhận xét; phân tích được các bảng số liệu, biểu đồ. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.	

			- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố các ngành kinh tế các nước Đông Nam Á. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được các đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế Đông Nam Á. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về kinh tế các nước Đông Nam Á. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế các nước Đông Nam Á. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải.	
--	--	--	---	--

			- <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
15	Bài 13. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	2 (26,27)	1. Kiến thức: - So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hóa; phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN. - Chứng minh được sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN. - Khai thác, chọn lọc, hệ thống hóa được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực ASEAN. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được mục tiêu và cơ chế hoạt động, hợp tác của ASEAN; Những thành tựu và thách thức của ASEAN và Việt Nam trong quá trình gia nhập ASEAN. > Xác định và lí giải được sự phân bố các đối tượng địa lí.	

			+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của ASEAN. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về mục tiêu và cơ chế hoạt động, hợp tác của ASEAN; Những thành tựu và thách thức của ASEAN và Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến mục tiêu và cơ chế hoạt động, hợp tác của ASEAN; Những thành tựu và thách thức của ASEAN và Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
			1. Kiến thức: Khai thác, chọn lọc thông tin từ Internet và các nguồn thông tin khác liên quan đến du lịch khu vực Đông Nam Á.	

16	Bài 14. Thực hành: Tìm hiểu về hoạt động du lịch và kinh tế đối ngoại của khu vực Đông Nam Á	1 (28)	Vẽ được biểu đồ theo yêu cầu. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được các hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của ASEAN. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến việc ASEAN phải đẩy mạnh các hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của ASEAN. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận	
----	--	-----------	---	--

			dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của ASEAN. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
KHU VỰC TÂY NAM Á				
17	Bài 15. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á.	3 (29,30,31)	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, của một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được ảnh hưởng của một số đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Nam Á. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp	

			phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi của khu vực Tây Nam Á. > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, phát triển kinh tế - xã hội của Tây Nam Á. > Xác định và lí giải được sự phân bố các loại tài nguyên thiên nhiên Tây Nam Á. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được vì sao khu vực Tây Nam Á lại có nhiều bất ổn và được gọi là “điểm nóng của thế giới”. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tự nhiên, dân cư, xã hội Tây Nam Á. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tự nhiên, dân cư, xã hội Tây Nam Á. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân.	
--	--	--	--	--

			- <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
18	Bài 16. Kinh tế khu vực Tây Nam Á.	1 (32)	1. Kiến thức: - Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực, sự phát triển một số ngành kinh tế của khu vực Tây Nam Á. - Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp và công nghiệp khu vực Tây Nam Á, rút ra nhận xét; phân tích được các bảng số liệu, biểu đồ. - Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố một số ngành kinh tế khu vực	

			Tây Nam Á. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được vì sao khu vực Tây Nam Á lại có nhiều bất ổn và được gọi là “điểm nóng của thế giới”. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về kinh tế Tây Nam Á. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế Tây Nam Á. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
19	Bài 17. Thực hành: Viết báo cáo về vấn đề dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á	1 (33)	1. Kiến thức: - Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á, hệ thống hóa và trình bày theo chủ đề. 2. Năng lực:	

			* Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Thu thập được thông tin về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Giải thích được một số vấn đề về việc khai thác dầu mỏ ở Tây Nam Á. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở Tây Nam Á. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở	
--	--	--	--	--

			Tây Nam Á. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
20	Ôn tập cuối học kì I	1 (34)	1. Kiến thức: Hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước. Bài 2. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. Bài 4. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu Bài 6. Vị trí địa lí.Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. Bài 7. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh Bài 9. Liên minh Châu Âu - Một liên kết kinh tế khu vực lớn. Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á Bài 12. Kinh tế khu vực Đông Nam Á. Bài 13. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) Bài 15. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á. Bài 16. Kinh tế khu vực Tây Nam Á. 2. Năng lực:	

			- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
21	Kiểm tra cuối kỳ I	1 (35)	1. Kiến thức: Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I: - Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước. - Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. - Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu - Vị trí địa lí.Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. - Kinh tế khu vực Mỹ La tinh - Liên minh Châu Âu - Một liên kết kinh tế khu vực lớn. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á - Kinh tế khu vực Đông Nam Á. - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á. - Kinh tế khu vực Tây Nam Á. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận	

			dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ (HOA KỲ)				
22	Bài 18. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ	3 (36,37,38)	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kỳ. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:	

			> Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Hoa Kỳ. > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Hoa Kỳ. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Giải thích được sự phân bố dân cư Hoa Kỳ. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí; điều kiện tự nhiên; dân cư và xã hội Hoa Kỳ. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí địa lí; điều kiện tự nhiên; dân cư và xã hội Hoa Kỳ. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
23	Bài 19. Kinh tế Hoa Kỳ	3 (39,40,41)	1. Kiến thức: - Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới.	

			- Trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hóa lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kỳ. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều. * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân hóa lãnh thổ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp Hoa Kỳ. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Giải thích được sự phát triển và phân bố các ngành sản xuất của Hoa Kỳ. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat...	
--	--	--	--	--

			+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về các ngành kinh tế Hoa Kỳ. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các ngành kinh tế Hoa Kỳ. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
LIÊN BANG NGA				
24	Bài 20. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga	3 (42,43,44)	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu, tháp tuổi. - Suu tầm, hệ thống hóa được các thông tin, hình ảnh về địa lí Liên bang Nga từ các nguồn khác nhau. 2. Năng lực: * Năng lực chung:	

			- <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, điều kiện tự nhiên và dân cư và xã hội của Liên Bang Nga. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự phân bố dân cư của Liên Bang Nga. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ địa hình và khoáng sản Liên Bang Nga; bản đồ phân bố dân cư của Liên Bang Nga. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, điều kiện tự nhiên và dân cư và xã hội của Liên Bang Nga. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, điều kiện tự nhiên và dân cư và xã hội của	
--	--	--	--	--

			Liên Bang Nga. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Có ý thức học hỏi các nền văn hoá trên thế giới. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
25	Bài 21. Kinh tế Liên bang Nga	2 (45,46)	1. Kiến thức: - Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế, đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu, vẽ được biểu đồ. - Suu tầm, hệ thống hóa được các thông tin, hình ảnh về địa lí Liên bang Nga từ các nguồn khác nhau. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ	

			thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được quá trình phát triển kinh tế; đặc điểm phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của Liên Bang Nga. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được quá trình phát triển kinh tế; đặc điểm phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của Liên Bang Nga. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ nông nghiệp, công nghiệp của Liên Bang Nga. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về quá trình phát triển kinh tế; đặc điểm phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của Liên Bang Nga. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến quá trình phát triển kinh tế; đặc điểm phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của Liên Bang Nga. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn	
--	--	--	--	--

			luyện đạo đức bản thân.	
26	Bài 22. Thực hành: Tìm hiểu về công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga	1 (47)	1. Kiến thức: - Vẽ biểu đồ thể hiện đối tượng địa lí theo yêu cầu và bảng số liệu cho trước. - Nhận xét và giải thích được về sự phát triển của đối tượng địa lí dựa vào bảng số liệu, biểu đồ. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để tìm hiểu được một số nét chính về tình hình kinh tế - xã hội của Liên Bang Nga. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí của Liên Bang Nga. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh	

			ảnh, bản đồ,... > Biết vẽ biểu đồ. > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí của Liên Bang Nga. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến phát triển công nghiệp khai thác dầu khí của Liên Bang Nga. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống của mỗi dân tộc, quốc gia. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
NHẬT BẢN				
27	Bài 23. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản	3 (48,49,50)	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.	

			- Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của Nhật Bản. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phân bố dân cư của Nhật Bản. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm	
--	--	--	---	--

			dân cư và xã hội của Nhật Bản. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của Nhật Bản. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống của người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
28	Ôn tập giữa học kì II	1 (51)	1. Kiến thức: - Giúp HS nắm bắt lại một số vấn đề, nội dung kiến thức quan trọng ở một số bài học. - Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản, nắm vững, khác sâu kiến thức sau khi đã học: Bài 18. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ. Bài 19. Kinh tế Hoa Kỳ. Bài 20. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. Bài 21. Kinh tế Liên bang Nga. Bài 23. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.	

			- Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
29	Kiểm tra giữa kỳ II	1 (52)	1. Kiến thức: - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ. - Kinh tế Hoa Kỳ. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. - Kinh tế Liên bang Nga. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
30	Bài 24. Kinh tế Nhật Bản	2 (53,54)	1. Kiến thức: - Giải thích được tình hình phát triển kinh tế; trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế; so sánh được các vùng kinh tế theo những điểm nổi bật. - Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về kinh tế Nhật Bản. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét. 2. Năng lực:	

			* Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế Nhật Bản. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế của Nhật Bản. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế Nhật Bản. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực	
--	--	--	--	--

			tiền liên quan đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế Nhật Bản. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
31	Bài 25. Thực hành: Viết báo cáo về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản	1 (55)	1. Kiến thức: - Viết được báo cáo truyền đạt những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Xác định được sự phát triển hoạt động kinh tế đối ngoại của	

			Nhật Bản. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... > Biết vẽ biểu đồ. > Phân tích bảng kiến thức, tranh ảnh... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phát triển hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để viết báo cáo về một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phát triển hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống của người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
--	--	--	---	--

CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)

32	Bài 26. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Trung Quốc	3 (56,57,58)	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh-xã hội. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét, phân tích được số liệu, tư liệu. - Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Trung Quốc. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của Trung Quốc. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phân bố dân cư của Trung Quốc. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i>	
----	---	-------------------------	--	--

			+ Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của Trung Quốc. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của Trung Quốc. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
33	Bài 27. Kinh tế Trung Quốc	2 (59,60)	1. Kiến thức: - Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới. - Phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế. - Trình bày được sự phát triển của các ngành kinh tế Trung Quốc. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i>	

			+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế của Trung Quốc. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế của Trung Quốc. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ Các trung tâm công nghiệp chính của Trung Quốc; Bản đồ phân bố sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế của Trung Quốc. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển các	
--	--	--	--	--

			ngành kinh tế của Trung Quốc. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
34	Bài 28. Thực hành: Viết báo cáo về sự thay đổi kinh tế vùng duyên hải Trung Quốc	1 (61)	1. Kiến thức: - Khai thác, chọn lọc thông tin từ Internet và các nguồn thông tin khác liên quan đến sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc và viết báo cáo. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Xác định được phạm vi và thông tin chung về vùng Duyên hải	

			Trung Quốc. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển nền kinh tế tại vùng Duyên hải Trung Quốc. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự thay đổi thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển nền kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để viết báo cáo về sự thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển nền kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
Ô-XTRÂY-LI-A				
34	Bài 29. Thực hành:	2	1. Kiến thức:	

	Tìm hiểu về kinh tế Ô-xtrây-li-a	(62,63)	- Xác định được sự phân bố kinh tế của Ô-xtrây-li-a trên bản đồ. - Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác về địa lí Ô-xtrây-li-a. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Viết được báo cáo về tình hình phát triển kinh tế của Ô-xtrây-li-a. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được các đặc điểm dân cư Ô-xtrây-li-a. + Biết và giải thích được các đặc điểm dân cư Ô-xtrây-li-a. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ... + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tình hình phát triển và phân bố kinh	
--	---	----------------	---	--

			tế của Ô-xtrây-li-a. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tình hình phát triển và phân bố kinh tế Ô-xtrây-li-a. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống và sự phát triển của mỗi quốc gia. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
CỘNG HOÀ NAM PHI				
35	Bài 30. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Cộng hoà Nam Phi	3 (64,65,66)	1. Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế. - Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét, phân tích được số liệu, vẽ được biểu đồ. - Sưu tầm, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về tự nhiên, dân cư, xã hội Cộng hòa Nam Phi. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông	

			qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của cộng hòa Nam Phi. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phân bố dân cư của cộng hòa Nam Phi. - <i>Tìm hiểu địa lí</i>: + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ Địa hình và khoáng sản; Bản đồ phân bố dân cư cộng hòa Nam Phi. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của cộng hòa Nam Phi. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và xã hội của cộng hòa Nam Phi. 3. Phẩm chất:	
--	--	--	---	--

			- <i>Yêu nước</i>: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống của người dân mỗi quốc gia. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực</i>: Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
37	Bài 31. Kinh tế Cộng hoà Nam Phi	2 (67,68)	1. Kiến thức: - Trình bày được khái quát sự phát triển nền kinh tế, các điểm nổi bật của các ngành kinh tế Cộng hòa Nam Phi. - Suu tầm, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về kinh tế Cộng hòa Nam Phi. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí</i>: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được	

			bản đồ để xác định được khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế của cộng hòa Nam Phi. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế của cộng hòa Nam Phi. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ Các trung tâm công nghiệp chính của cộng hòa Nam Phi; Bản đồ phân bố sản xuất nông nghiệp của cộng hòa Nam Phi. + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế của cộng hòa Nam Phi. + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến khái quát về nền kinh tế; Sự phát triển các ngành kinh tế của cộng hòa Nam Phi. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - <i>Trung thực:</i> Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.	
38	Ôn tập cuối kỳ II	1 (69)	1. Kiến thức: - Giúp HS ôn tập, củng cố nội dung kiến thức và kỹ năng trong học	

			kì II: Bài 18. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ. Bài 19. Kinh tế Hoa Kỳ. Bài 20. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. Bài 21. Kinh tế Liên bang Nga. Bài 23. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản Bài 24. Kinh tế Nhật Bản Bài 26. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Trung Quốc Bài 27. Kinh tế Trung Quốc Bài 30. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Cộng hoà Nam Phi Bài 31. Kinh tế Cộng hoà Nam Phi 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
39	Kiểm tra cuối kỳ II	1 (70)	1. Kiến thức: - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ. - Kinh tế Hoa Kỳ. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. - Kinh tế Liên bang Nga. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản - Kinh tế Nhật Bản	

			- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Trung Quốc - Kinh tế Trung Quốc - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Cộng hoà Nam Phi - Kinh tế Cộng hoà Nam Phi 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
--	--	--	---	--

2. Chuyên đề lựa chọn

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)
1	Chuyên đề 1. Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á	15(Tuần 1 – 15)	1. Kiến thức: - Nêu được khái quát về lưu vực sông Mê Công. - Trình bày được lí do ra đời, mục tiêu của Ủy hội sông Mê Công. - Giới thiệu được một số hoạt động của Ủy hội sông Mê Công. - Xác định được vai trò của Việt Nam trong Ủy hội sông Mê Công. - Nêu và đánh giá được các biểu hiện của sự hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển giao thông vận tải, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng ở Biên Đông. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các

		hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. + Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> Hiểu được lí do ra đời, mục tiêu và hoạt động của Ủy hội sông Mê Công, vai trò của Việt Nam trong Ủy hội sông Mê Công. Biết khái quát về biên Đông; sự hợp tác về biên Đông. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh,... - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về Ủy hội sông Mê Công và hợp tác ở biên Đông. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> + Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. + Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. + Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước + Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động xã hội góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tích cực, chủ động vận
--	--	---

			động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật.
2	Chuyên đề 2. Một số vấn đề về du lịch thế giới	10(Tuần 16 – 25)	1. Kiến thức: - Chứng minh được sự đa dạng, phong phú của các loại tài nguyên du lịch trên thế giới, liên hệ được với tài nguyên du lịch Việt Nam. - Trình bày được một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới hiện nay, liên hệ được với hoạt động du lịch ở Việt Nam. - Trình bày được một số xu hướng phát triển du lịch trên thế giới. - Liên hệ để hiểu được các định hướng phát triển du lịch Việt Nam. - Liên hệ được các ngành nghề liên quan đến du lịch. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

			* Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> Sử dụng được bản đồ để xác định được một số tài nguyên du lịch trên thế giới. - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> + Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... + Biết đọc và sử dụng bản đồ. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về du lịch thế giới. 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. - <i>Nhân ái:</i> Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống của người dân ở mỗi quốc gia. - <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.
3	Chuyên đề 3. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)	10 (Tuần 26 – 35)	1. Kiến thức: - Trình bày được quan niệm về cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; so sánh được đặc điểm và nội dung của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với các cuộc cách mạng công nghiệp trước. - Phân tích được các tác động chủ yếu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đến phát triển kinh tế - xã hội trên toàn thế giới. - Nêu được một số xu hướng chính của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. - Vận dụng được hiểu biết về cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào việc

			định hướng nghề nghiệp và liên hệ với việc học tập. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm. - <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ... * Năng lực đặc thù: - <i>Nhận thức khoa học địa lí:</i> Hiểu được quan niệm, đặc điểm và nội dung chủ yếu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - <i>Tìm hiểu địa lí:</i> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,... phù hợp với nội dung cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 + Biết đọc và sử dụng bản đồ. + Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hóa được các thông tin địa lí cần thiết từ trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin địa lí. - <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 3. Phẩm chất: - <i>Yêu nước:</i> Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.
--	--	--	--

			- <i>Nhân ái</i>: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống và sự phát triển của người dân mỗi quốc gia. - <i>Chăm chỉ</i>: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. - <i>Trung thực</i> trong học tập. - <i>Trách nhiệm</i>: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.
--	--	--	---

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)	Hình thức
Kiểm tra giữa kỳ 1	45 phút	Tuần 8	1. Kiến thức: Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu Vị trí địa lí. Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. Kinh tế khu vực Mỹ La tinh 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%

			học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
Kiểm tra cuối kỳ 1	45 phút	Tuần 18	1. Kiến thức: Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kỳ I: - Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước. - Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế. - Một số tổ chức quốc tế, khu vực, an ninh toàn cầu - Vị trí địa lí.Điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của châu Mỹ La tinh. - Kinh tế khu vực Mỹ La tinh - Liên minh Châu Âu - Một liên kết kinh tế khu vực lớn. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á - Kinh tế khu vực Đông Nam Á. - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á. - Kinh tế khu vực Tây Nam Á. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%

			- Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
Kiểm tra giữa kỳ 2	45 phút	Tuần 26	1. Kiến thức: - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ. - Kinh tế Hoa Kỳ. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. - Kinh tế Liên bang Nga. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%
Kiểm tra cuối kỳ 2	45 phút	Tuần 35	1. Kiến thức: - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ. - Kinh tế Hoa Kỳ.	Dạng thức I: 40% Dạng thức II: 30% Dạng thức III: 30%

		- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga. - Kinh tế Liên bang Nga. - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản - Kinh tế Nhật Bản - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Trung Quốc - Kinh tế Trung Quốc - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Cộng hoà Nam Phi - Kinh tế Cộng hoà Nam Phi 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
--	--	---	--

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN ĐỊA LÝ, LỚP 12

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học	Số tiết/PPCT	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)	Ghi chú
KÌ I- 35 TIẾT				
PHẦN 1. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN				
1	Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	2 (1,2)	- Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ. - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.	
2	Bài 2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.	3 (3,4,5)	- Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác. - Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.	
3	Bài 3. Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên	4 (6,7,8,9)	- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. - Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước. - Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.	
4	Bài 4. Thực hành: Viết báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam	1 (10)	Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.	
5	Bài 5. Vấn đề sử	2	- Trình bày và giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên	

	dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	(11,12)	ở nước ta. - Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. - Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. - Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường. - Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương.	
PHẦN 2. ĐỊA LÍ DÂN CƯ				
6	Bài 6. Dân số, Lao động và việc làm Việt Nam	3 (13,14,15)	- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động; phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở nước ta. - Phân tích được vấn đề việc làm và nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta. - Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm.	
7	Bài 7. Đô thị hoá	1 (16)	- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam và sự phân bố mạng lưới đô thị. - Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội. - Nhận xét và giải thích được đô thị hoá ở Việt Nam dựa trên bản đồ dân cư Việt Nam và số liệu thống kê.	
8	Ôn tập Giữa kì I	1 (17)	- Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng	

			kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
9	Kiểm tra Giữa kì I	1 (18)	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá - Năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
10	Bài 8. Thực hành: Viết báo cáo về dân số, lao động, việc làm, đô thị hóa.	1 (19)	Viết được báo cáo giới thiệu một trong các chủ đề về dân số, lao động và việc làm, đô thị hoá ở Việt Nam.	
PHẦN 3. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ				
11	Bài 9. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	2 (20,21)	- Phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. - Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. - Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ ở nước ta. - Nêu và đánh giá được vai trò của mỗi thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay. - Vẽ được biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	
12	Bài 10. Vấn đề phát triển ngành nông lâm nghiệp và thủy	4 (22,23,24,25)	- Khái quát được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới.	

	sản.		- Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nông nghiệp và trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu; tình hình phát triển và phân bố (trồng trọt, chăn nuôi); xu hướng phát triển của nông nghiệp nước ta. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển lâm nghiệp và trình bày được tình hình phát triển, phân bố lâm nghiệp và bảo vệ tài nguyên rừng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển thủy sản và trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu; tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản.	
13	Bài 11. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	1 (26)	- Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, vùng nông nghiệp.	
14	Bài 12. Thực hành:	1 (27)	- Vẽ được biểu đồ, trình bày nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta.	
15	Bài 13. Vấn đề phát triển công nghiệp	3 (28,29,30)	- Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ. - Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu, khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt, may; giày, dép thông qua bảng số liệu, tư liệu,...	
16	Bài 14. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	1 (31)	- Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm công nghiệp.	
17	Bài 15. Thực hành: Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích tình hình phát triển ngành công nghiệp	1 (32)	- Vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta.	
18	Ôn tập Cuối kì I	2 (33,34)	- Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống	

			+ Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế + Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp + Vấn đề phát triển công nghiệp + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
19	Kiểm tra Cuối kì I	1 (35)	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế + Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp + Vấn đề phát triển công nghiệp + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.	

			- Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
KÌ II- 35 TIẾT				
20	Bài 16. Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông	3 (36,37,38)	- Khái quát được vai trò của ngành dịch vụ, phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ. - Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông. - Vẽ được biểu đồ và sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.	
21	Bài 17. Thương mại và du lịch	2 (39,40)	- Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành thương mại ở Việt Nam. - Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành du lịch, phân tích được sự phân hoá lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững. - Vẽ được biểu đồ và sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến thương mại và du lịch.	
22	Bài 18. Thực hành: Tìm hiểu sự phát triển một số ngành dịch vụ	1 (41)	- Tìm hiểu thực tế, viết được đoạn văn ngắn giới thiệu, quảng bá về một số hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo của địa phương, nhất là về du lịch.	
PHẦN 4. ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ				
23	Bài 19. Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	2 (42,43)	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Chứng minh được các thế mạnh để phát triển kinh tế của vùng về khoáng sản và thủy điện, cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (cây công nghiệp, rau quả); chăn nuôi gia súc lớn. - Trình bày được việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng và nêu được hướng phát triển. - Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội với an ninh quốc phòng. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng.	
24	Bài 20. Phát triển	2	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.	

	kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	(44,45)	- Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của Đồng bằng sông Hồng. - Phân tích được một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của vùng: vấn đề phát triển công nghiệp và dịch vụ. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về các thế mạnh của vùng.	
25	Bài 21. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	2 (46,47)	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của Bắc Trung Bộ. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Trung Bộ. - Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Trung Bộ. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày thế mạnh và hạn chế của Bắc Trung Bộ.	
26	Bài 22. Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ	2 (48,49)	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của Duyên hải Nam Trung Bộ. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, giao thông vận tải biển, du lịch biển, khai thác khoáng sản biển, - Trình bày được phát triển các ngành kinh tế biển và nêu được hướng phát triển kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.	
27	Ôn tập Giữa kì II	1 (50)	- Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học;	

			Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
28	Kiểm tra Giữa kì II	1 (51)	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
29	Bài 23. Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên	2 (52,53)	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bô-xit), du lịch. - Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thủy điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bô-xit, phát triển du lịch. - Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với an ninh quốc phòng. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng.	
30	Bài 24. Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ	3 (54,55,56)	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển kinh tế của vùng. - Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế: công nghiệp; dịch	

			vụ; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. - Trình bày được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các thế mạnh và hiện trạng phát triển các ngành kinh tế.	
31	Bài 25. Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2 (57,58)	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Chứng minh được các thế mạnh, hạn chế để phát triển kinh tế của vùng; trình bày được hướng sử dụng hợp lý tự nhiên của vùng. - Giải thích được tại sao phải sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long. - Trình bày được vai trò, tình hình phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm của vùng. - Trình bày được tài nguyên du lịch và tình hình phát triển du lịch của vùng. - Sử dụng bản đồ, số liệu thống kê, tư liệu, trình bày các thế mạnh, tình hình phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, du lịch của vùng. - Vẽ được biểu đồ kinh tế - xã hội, nhận xét và giải thích.	
32	Bài 26. Thực hành: Viết báo cáo về biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long	1 (59)	- Biết cách thu thập được tài liệu và viết báo cáo về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó.	
33	Bài 27. Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm	3 (60,61,62)	- Phân tích được đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta. - Trình bày được quá trình hình thành và phát triển; các nguồn lực, thực trạng và định hướng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông	

			Cửu Long. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích được nội dung liên quan đến các vùng kinh tế trọng điểm. - Sử dụng số liệu, bản đồ và các nguồn tài liệu khác, nhận xét và giải thích được vấn đề liên quan đến các vùng kinh tế trọng điểm.	
34	Bài 28. Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	2 (63,64)	- Trình bày được khái quát về Biển Đông. - Trình bày được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta. - Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. - Trình bày được tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển); giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta. - Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo.	
35	Bài 29. Thực hành: Viết báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam	1 (65)	- Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video,... để viết và trình bày báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.	
PHẦN 5. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG				
36	Bài 30. Thực hành: Tìm hiểu địa lí địa phương	2 (66,67)	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dựa trên bản đồ của địa phương, Việt Nam và kiến thức đã có. - Phân tích được một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư - xã hội, kinh tế địa phương dựa vào việc sử dụng bản đồ, lược đồ, biểu đồ, số liệu thống kê,... Viết được báo cáo giới thiệu địa lí địa phương theo một số chủ đề dựa vào việc thu thập các tài liệu, tranh ảnh, số liệu....	

37	Ôn tập Cuối kì II	2 (68,69)	- Ôn tập các nội dung kiến thức đã học: + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ + Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ + Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long + Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm + Phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
38	Kiểm tra Cuối kì II	1 (70)	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ + Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ + Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long + Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm	

			+ Phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
--	--	--	--	--

2. Chuyên đề lựa chọn (LỚP 12/1, 12/2)

STT	Chuyên đề	Số tiết/PPCT	Yêu cầu cần đạt
1	Chuyên đề 1. Thiên tai và biện pháp phòng chống	10 (1->10)	- Trình bày được quan niệm, đặc điểm, nguyên nhân và phân loại thiên tai. - Trình bày được một số thiên tai và nơi thường xảy ra (bão, lũ lụt, hạn hán, các thiên tai khác); phân tích được nguyên nhân, hậu quả của mỗi loại và xác định được các biện pháp phòng chống. Liên hệ, tìm hiểu được về một thiên tai cụ thể tại địa phương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp). - Thu thập được tranh ảnh, số liệu, video,... để trưng bày một số chủ đề về thiên tai ở nước ta. - Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng về thiên tai và các biện pháp phòng chống.
2	Chuyên đề 2. Phát triển vùng	15 (11 ->25)	- Trình bày được quan niệm về vùng, ý nghĩa của vùng và cơ sở hình thành vùng trong nền kinh tế đất nước. - Phân biệt được các loại vùng kinh tế (theo các tiêu chí cụ thể): vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, vùng ngành,... - Trình bày (tóm tắt) được các loại vùng kinh tế ở Việt Nam. - Trình bày được đặc điểm và giải thích được sự hình thành của một số loại vùng kinh tế.
3	Chuyên đề 3. Phát triển làng nghề	10 (26 -35)	- Trình bày được khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển làng nghề. - Phân tích được vai trò của làng nghề, thực trạng và định hướng phát triển làng nghề, tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên, môi trường.

			- Liên hệ thực tế địa phương.
--	--	--	-------------------------------

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Kiểm tra giữa kỳ 1	45 phút	Tuần 9	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá - Năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	- Dạng thức I: 40%; - Dạng thức II: 30%; - Dạng thức III: 30%.
Kiểm tra cuối kỳ 1	45 phút	Tuần 18	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống + Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên + Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường + Dân số, lao động và việc làm + Đô thị hoá + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế + Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	- Dạng thức I: 40%; - Dạng thức II: 30%; - Dạng thức III: 30%.

			+ Vấn đề phát triển công nghiệp + Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
Kiểm tra giữa kỳ 2	45 phút	Tuần 26	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	- Dạng thức I: 40%; - Dạng thức II: 30%; - Dạng thức III: 30%.
Kiểm tra cuối kỳ 2	45 phút	Tuần 35	- Kiểm tra kiến thức các bài đã học: + Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông + Thương mại và du lịch + Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ + Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ + Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên + Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ	- Dạng thức I: 40%; - Dạng thức II: 40%; - Dạng thức III: 30%.

			+ Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long + Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm + Phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo - Về năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. + Năng lực đặc thù: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. - Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.	
--	--	--	---	--

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12

(Năm học: 2025 – 2026)

Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống

1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Tình hình học sinh.

- Số lớp: 4 lớp
- Số học sinh: 150 học sinh
- Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: .. học sinh

1.2. Tình hình đội ngũ:

- Số giáo viên:
- + Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 3 ; Trên đại học: 0;
- + Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 3 ; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thực hành	Ghi chú
1	Phần giáo dục kinh tế			

	- Bộ tranh minh họa về các hoạt động kinh tế đối ngoại. - Máy chiếu, video về các hoạt động bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội - Sơ đồ tư duy lập kế hoạch kinh doanh	2 2 2		
2	Phần giáo dục pháp luật - Các văn bản pháp luật về các quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa xã hội - Các văn bản pháp luật về hoạt động quốc tế, tổ chức thương mại thế giới.	2 2		

1.4. Phòng học bộ môn/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học bộ môn	1	Thực hiện báo cáo về hoạt động lao động việc làm.	
2	Phòng thư viện	1	Tìm tư liệu	

2. Kế hoạch dạy học

STT	Bài học (2)	Số tiết-PPCT (3)	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu)
Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế			
1	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế.	5 (1,2,3,4,5)	1. Về mục tiêu: - Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế. - Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững. - Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có

			những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: <i>Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau:</i> Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. - Cách thức thực hiện: Căn cứ vào nội dung quyền con người về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về những việc làm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế qua đó đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. * Tích hợp PCTN: Địa chỉ: YCCĐ : Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững. YCCĐ: Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế YCCĐ : Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.
--	--	--	---

			Nội dung: - Giáo dục ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện và vận động người thân thực hiện một số việc làm góp phần PCTN, lãng phí, tiêu cực. Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính.
Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế			
2	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	5 (6,7,8,9,10)	1. Về mục tiêu: - Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. - Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia. - Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. . Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: <i>Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau:</i> Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

			- Cách thức thực hiện: Căn cứ vào nội dung quyền con người về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về những việc làm hội nhập kinh tế quốc tế qua đó đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. * Tích hợp PCTN: YCCĐ . Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế. YCCĐ . Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nội dung: - Giáo dục ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện và vận động người thân thực hiện một số việc làm góp phần PCTN, lãng phí, tiêu cực. Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính.
Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội			
3	Bài 3: Bảo hiểm	3 (11,12,13)	1. Về mục tiêu: - Nêu được khái niệm bảo hiểm và vai trò của bảo hiểm. - Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm. - Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm. - Thực hiện được trách nhiệm của công dân về bảo hiểm bằng những việc làm cụ thể và phù hợp. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng

			trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. . Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: <i>Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt(1,2,4):</i> Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của bảo hiểm. - Cách thức thực hiện: Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của bảo hiểm xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như: quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn...
4	Bài 4: An sinh xã hội	3 (14,15,16)	1. Về mục tiêu: - Nêu được khái niệm và vai trò của an sinh xã hội. - Giải thích được sự cần thiết của an sinh xã hội. - Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản. - Thực hiện được trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

			. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: <i>Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:</i> Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội. - Cách thức thực hiện: Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của an sinh xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập.
5	Ôn tập giữa kỳ 1	1 (17)	1. Về mục tiêu: - Cùng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học kỳ I lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

			Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.
6	Kiểm tra giữa kì I	1 (18)	Theo ma trận và bảng đặc tả
Chủ đề 4: Lập kế hoạch kinh doanh			
7	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	4 (19,20,21,22)	1. Về mục tiêu: - Nêu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh. - Giải thích được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh. - Diễn giải được các bước lập kế hoạch kinh doanh. - Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. * Tích hợp PCTN: YCCĐ: Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành. Nội dung: -Trình bày được ý nghĩa của việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh.

			- Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức cần, kiệm, liêm chính. Mức độ: tích hợp bộ phận Hình thức, phương pháp - Dự án: HS xây dựng kế hoạch kinh doanh nhỏ mang tính nhân văn, thân thiện với cộng đồng. Tình huống: “Nếu sản phẩm có lời nhưng gây hại môi trường, em có làm không? Vì sao?”
Chủ đề 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp			
8	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	5 (23,24,25, 26,27)	1. Về mục tiêu: - Nêu được khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Liệt kê được các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Xác định được trách nhiệm công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp. - Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Phê phán những

			biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp. - Cách thức thực hiện: Căn cứ nội dung quyền con người như quyền được bảo vệ chăm sóc sức khỏe, quyền bất khả xâm phạm về thân thể...giáo viên lấy các ví dụ để giúp học sinh hiểu được việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp chính là thực hiện quyền con người. * Tích hợp PCTN: YCCĐ : Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. YCCĐ : Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp. YCCĐ : Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp. Nội dung: - Nếu được chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước PCTN, lãng phí, tiêu cực - Giáo dục tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người lao động
Chủ đề 6: Quản lý thu chi trong gia đình			
9	Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình	6 (28,29,30,31,32,33)	1.Về mục tiêu: - Nêu được thế nào là quản lý thu, chi trong gia đình. - Giải thích được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình. - Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình. - Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này.

			3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. * Tích hợp PCTN: YCCĐ . Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính. YCCĐ . Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lí trong gia đình. Nội dung: - Giáo dục phẩm chất cần, kiệm liêm chính (tinh thần trung thực, trách nhiệm, chủ động, cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động - phẩm chất của người kinh doanh chân chính) Giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, ý thức bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất – kinh doanh; ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tiết kiệm, cần kiệm trong gia đình Việt Nam.
10	Ôn tập cuối kỳ 1	1 (34)	1. Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ I lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + <i>Tự chủ và tự học</i> để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc

			kiểm tra đánh giá. + <i>Giao tiếp và hợp tác</i> trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + <i>Giải quyết vấn đề</i> và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. - Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra cuối kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.
11	Kiểm tra cuối kì 1	1 (35)	Theo ma trận và bảng đặc tả
Chủ đề 7: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế			
12	Bài 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế	3 (36,37,38)	1.Về mục tiêu: - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về kinh doanh và nộp thuế. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về kinh doanh và nộp thuế bằng những hành vi phù hợp. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế trong một số tình huống đơn giản thường gặp.

			2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. * Tích hợp PCTN: YCCĐ . Tự giác thực hiện các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế. YCCĐ . Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm, nhận biết được hậu quả, tác hại. Nội dung: - Giáo dục ý thức tự trọng, tự giác, kỷ luật và tôn trọng pháp luật trong kinh doanh, tài chính và thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực.
13	Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác.	3 (39, 40,41)	1.Về mục tiêu: - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác trong một số tình huống đơn giản thường gặp: -Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác bằng

			những hành vi phù hợp. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - <i>Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt sau:</i> Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác. - Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người sau: Quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định để lấy các ví dụ làm nổi bật các quyền con người này đồng thời giúp học sinh biết tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác. Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.
Chủ đề 8: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội			
			1. Về mục tiêu: - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình.

14	Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình	3 (42,43,44)	- Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong hôn nhân và gia đình. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình trong một số tình huống đơn giản thường gặp. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hôn nhân và gia đình bằng những hành vi phù hợp. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.
15	Bài 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập	2 (45,46,47)	1. Về mục tiêu: - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong học tập. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập trong một số tình huống đơn giản thường gặp. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong học tập. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt

			động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. . Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập. - Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ nội dung các quyền con người như: Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật để lấy các ví dụ về quyền học tập gắn liền với quyền con người
16	Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội	3 (48,49,50)	1.Về mục tiêu: - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội. - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội trong một số tình huống đơn giản thường gặp, -Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội bằng những hành vi phù hợp. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt

			động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. . Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - <i>Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:</i> Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; đảm bảo an sinh xã hội; bảo vệ di sản văn hóa. - Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ nội dung quyền con người như: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền trẻ em để lấy các ví dụ làm rõ các quyền này từ đó giúp học sinh có ý thức tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác. Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.
17	Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong về bảo vệ di sản văn hóa, môi trường và tài nguyên thiên nhiên (Tiết 1,2)	3 (51,52,53)	1.Về mục tiêu: - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá, môi trường và tài nguyên thiên nhiên. -Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ di sản văn hoá, môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của

			công dân trong bảo vệ di sản văn hoá, môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong một số tình huống đơn giản thường gặp. -Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá, môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những hành vi phù hợp. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.
18	Ôn tập giữa kỳ 2	1 (54)	1.Về mục tiêu: Nêu được một số nội dung cơ bản về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động nhằm thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của bản thân cũng như người khác + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác tôn trọng các quyền và nghĩa vụ của người khác, đấu tranh với những hành vi vi phạm các quyền

			tự do cơ bản của công dân. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật - Trách nhiệm: Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân và người khác.
19	Kiểm tra giữa kì 2	1 (55)	Theo ma trận và bảng đặc tả
Chủ đề 9: Một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế			
20	Bài 14: Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế	2 (56,57)	1. Về mục tiêu: - Nêu được khái niệm, vai trò, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận với yêu cầu cần đạt sau: Nêu được khái niệm, vai trò, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; mối quan

			hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia. - Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật để giúp học sinh hiểu được việc tìm hiểu thực hiện các nội dung của luật pháp quốc tế cũng chính là góp phần thực hiện các quyền con người cơ bản.
21	Bài 15: Công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia	5 (58,59,60, 61,62)	1.Về mục tiêu: - Nhận biết được nội dung cơ bản của công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản liên quan đến dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia. - Đồng tình, ủng hộ những hành vi phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia; phê phán những hành vi vi phạm các quy định của pháp luật quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.
22	Bài 16: Nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại thế giới và hợp đồng	6 (63,64,65,	1.Về mục tiêu: - Nhận biết được nội dung cơ bản của Công pháp quốc tế về nguyên tắc cơ

	thương mại quốc tế	66,67,68)	bản của Tổ chức Thương mại Thế giới và của hợp đồng thương mại quốc tế. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản liên quan đến các nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại Thế giới và của hợp đồng thương mại quốc tế. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. 3. Về phẩm chất: Trung thực: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.
23	Ôn tập cuối kỳ 2	1 (69)	1. Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ II lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - HS có thái độ học tập đúng đắn và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về năng lực + <i>Tự chủ và tự học</i> để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra

			+ <i>Giao tiếp và hợp tác</i> trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, chủ động thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân của bản thân và người khác 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra cuối kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.
24	Kiểm tra cuối học kì 2	1 (70)	Theo ma trận và bảng đặc tả

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	1. Về kiến thức: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành	Theo cấu trúc thống nhất của trường, quy định của Sở.

			vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này 2. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	1. Về kiến thức - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong học kỳ I lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng đắn và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng đắn và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao	Theo cấu trúc thống nhất của trường, quy định của Sở

			Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	1. Về kiến thức: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ II lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hành vi thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, phê phán những hành vi vi phạm <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, vận dụng những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật để hoàn thiện bản thân mình 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	1. Về kiến thức - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ II lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp,	

		hình thức tổ chức dạy học. 2. Về Năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hành vi thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, phê phán những hành vi vi phạm <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, vận dụng những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật để hoàn thiện bản thân mình 3. Về phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.	
--	--	---	--

I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN: GDKT&PL 11
(Năm học 2025- 2026)
Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống

1. 3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thực hành	Ghi chú
1	Phần giáo dục kinh tế - Bộ tranh minh họa về các hoạt động cạnh tranh, cung cầu, - Máy chiếu, video về các hoạt động lao động và việc làm - Sơ đồ tư duy về các ý tưởng kinh doanh	1 1 1		
2	Phần giáo dục pháp luật - Các văn bản pháp luật về các quyền và nghĩa vụ của công dân - Các văn bản pháp luật về hoạt động tự do tín ngưỡng tôn giáo	1 1 1		

1.4. Phòng học bộ môn/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học bộ môn	1	Thực hiện báo cáo về hoạt động lao động việc làm	

2	Phòng thư viện	1	Tìm tư liệu	
---	----------------	---	-------------	--

2. Kế hoạch dạy học

STT	Chủ đề/bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu) (3)
1	Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	3 (1,2,3)	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm cạnh tranh - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. - Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế. - Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh. 2. Về năng lực - Năng lực chung. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đề làm rõ nguyên nhân, vai trò của cạnh tranh + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề cạnh tranh trong kinh tế. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện cạnh tranh. + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, khả năng, điều kiện của bản thân trong quan hệ cạnh tranh. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được kiến thức về cạnh tranh, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cạnh tranh; giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng kinh tế về cạnh tranh 3. Về phẩm chất Trung thực và có trách nhiệm trong các mối quan hệ cạnh tranh. *Tích hợp quyền con người . <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt:</i> Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh trong việc thực hiện quyền quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ

			học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ. *Tích hợp PCTN: YCCĐ 1d: Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh Nội dung: - Nêu được biểu hiện của một số hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Mức độ: Tích hợp bộ phận
2	Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	3 (4,5,6)	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm cung, cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cung, cầu - Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế thị trường. - Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế thị trường. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế thị trường. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc giải quyết quan hệ cung - cầu + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được khả năng của bản thân trong việc phân tích quan hệ cung – cầu. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng kinh tế về cung - cầu đang diễn ra trong đời sống xã hội; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích được mối quan hệ cung - cầu trong trường hợp cụ thể. 3. Về phẩm chất Trung thực và có trách nhiệm trong các mối quan hệ cung - cầu có liên quan. * Tích hợp PCTN: - YCCĐ : Phân tích được mối quan hệ và vai trò của cung – cầu trong nền kinh tế - YCCĐ : Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh

			doanh cụ thể Nội dung: - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của một số hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Nhận xét, đánh giá được một số hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong thực tiễn. - Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân - Giáo dục tính kỷ luật, kỹ năng ứng xử, ý thức tuân thủ quy định, quy chế học tập và lao động sản xuất. Mức độ: Tích hợp bộ phận
3	Bài 3: Lạm phát	3 (7,8,9)	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm, liệt kê được các loại hình lạm phát. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát. - Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: đánh giá hậu quả của lạm phát và vai trò của Nhà nước trong kiểm soát và kiểm chế lạm phát. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề lạm phát. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước để kiểm chế lạm phát + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: vận dụng được kiến thức đã học để phân tích vấn đề lạm phát trong trường hợp cụ thể. 3. Về phẩm chất

			- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong giải quyết vấn đề lạm phát. - Trung thực và có trách nhiệm trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước để kiểm soát và kiềm chế lạm phát. * Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 5, 6:</i> Nêu được chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. * Tích hợp PCTN: - YCCĐ: Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát. - YCCĐ: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát Nội dung: Nêu được biểu hiện của một số hành vi lãng phí, tiêu cực trong việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế, xã hội.
4	Bài 4: Thất nghiệp	3 (10,11,12)	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm thất nghiệp, liệt kê được các loại hình thất nghiệp. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. - Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp. 2. Về năng lực. - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề thất nghiệp. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.

			+ Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, khả năng, điều kiện của bản thân trong giải quyết vấn đề thất nghiệp. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến thất nghiệp, đề xuất giải pháp không bị rơi vào tình trạng thất nghiệp. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động để tạo việc làm phù hợp với lứa tuổi. - Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong giải quyết vấn đề thất nghiệp. * Tích hợp quyền con người: - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp. * Tích hợp PCTN: - YCCĐ: Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp. - YCCĐ: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp. Nội dung: - Nhận xét, đánh giá được một số hành vi quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thực tiễn. Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân.
5	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	4 (13,14,15,16)	1. Về kiến thức - Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm. - Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường. - Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề, việc làm phù hợp. 2. Về năng lực. - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết thảo luận các vấn đề liên quan đến thị trường lao động và việc làm.

			+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến thị trường lao động và việc làm. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp. + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, khả năng, điều kiện của bản thân khi tham gia thị trường lao động, việc làm. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến lao động, việc làm, để có được việc làm phù hợp trong tương lai 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động lao động để tạo việc làm phù hợp với lứa tuổi. - Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước. * Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 4</i> trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. * Tích hợp PCTN: YCCĐ 4. Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề, việc làm phù hợp. Nội dung: - Nêu được biểu hiện của một số hành lãng phí sức lao động, việc làm. - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của một số hành vi lãng phí sức lao động, việc làm. Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
6	Ôn tập giữa kỳ 1	1 (17)	1. Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình

			thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + <i>Tự chủ và tự học</i> để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra + <i>Giao tiếp và hợp tác</i> trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + <i>Giải quyết vấn đề</i> và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. - Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này 3. Về phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.
7	Kiểm tra giữa kỳ 1	1 (18)	Theo bảng đặc tả, ma trận

8	Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	6 (19,20,21,22,23,24) 1. Về kiến thức - Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh. - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh. - Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh. - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. - Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận các vấn đề liên quan đến nội dung bài học. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề ý tưởng - Năng lực đặc thù: + Năng lực phát triển bản thân: Phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được những kiến thức cơ bản về ý tưởng kinh doanh, cơ hội kinh doanh; xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành. 3. Về phẩm chất Chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm trong việc tìm kiếm, xây dựng và xác định ý tưởng kinh doanh, cơ hội kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành. * Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp liên hệ ở yêu cầu cần đạt 4:</i> Chỉ ra năng lực cần thiết của người kinh doanh trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. * Tích hợp PCTN: - YCCĐ: Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. - YCCĐ: Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.
---	---	---

			Nội dung - Giáo dục phẩm chất cần, kiệm - Giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh - Giáo dục kỹ năng tư duy, sáng tạo, làm việc nhóm, ra quyết định, giải quyết vấn đề và khởi nghiệp có trách nhiệm.
9	Bài 7: Đạo đức kinh doanh	4 (25, 26, 27, 28)	1. Về kiến thức. - Nêu được quan niệm, các biểu hiện và vai trò của đạo đức kinh doanh. - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh. - Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh. - Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. - Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hình thức thảo luận các vấn đề về đạo đức kinh doanh. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến đạo đức kinh doanh + Năng lực tự chủ, tự học: Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của người kinh doanh - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức kinh doanh. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh; vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. 3. Về phẩm chất. Trung thực, có trách nhiệm thực hiện đạo đức kinh doanh khi có cơ hội được tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh. * Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 2, 3, 4, 5:</i> Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh quyền tự do kinh doanh; xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức

			khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. * Tích hợp PCTN: Tất cả các YCCĐ của chủ đề Nội dung: - Giáo dục phẩm chất cần, kiệm liêm chính (tinh thần trung thực, trách nhiệm, chủ động, cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động - phẩm chất của người kinh doanh chân chính) - Giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, ý thức bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. - Giáo dục kỹ năng phân tích, đánh giá hành vi sai trái, xây dựng văn hoá kinh doanh lành mạnh.
10	Bài 8: Văn hoá tiêu dùng	6 (29,30,31, 32,33,34)	1. Về kiến thức. - Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế. - Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng; mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng. - Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng - Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá - Phê phán biểu hiện thiếu văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền hành vi đúng 2. Về năng lực. - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ, tự học: Biết tìm tòi, học hỏi, thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận các vấn đề về văn hoá tiêu dùng. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin thực tiễn cuộc sống liên quan đến văn hoá tiêu dùng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: xác định được trách nhiệm của bản thân và thực hiện tiêu dùng có văn hoá. + Năng lực phát triển bản thân: phê phán những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn

			hoá. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến tiêu dùng có văn hoá. 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động trong đời sống xã hội để trở thành người tiêu dùng có văn hoá. - Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong quá trình xây dựng văn hoá tiêu dùng. * Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt: 4, 5:</i> Thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe. *Tích hợp PCTN: YCCĐ 3: Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng YCCĐ 4: Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá YCCĐ 5: Phê phán biểu hiện thiếu văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền hành vi đúng Nội dung: - Giáo dục hành vi tiêu dùng tiết kiệm, chống lãng phí.
11	Ôn tập cuối kỳ 1	1 (35)	1.Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ 1; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về năng lực - Năng lực chung:

			+ <i>Tự chủ và tự học</i> để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. + <i>Giao tiếp và hợp tác</i> trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + <i>Giải quyết vấn đề</i> và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. - Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra cuối kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.
12	Kiểm tra cuối kì I	1 (36)	Theo bảng đặc tả, ma trận
13	Bài 9: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	3 (37,38,39)	1. Về kiến thức - Nêu được các quy định cơ bản pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí). - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật đối với đời sống con người và xã hội. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + <i>Tự chủ và tự học</i> để có những kiến thức cơ bản về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. + Có khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những vấn đề liên quan đến

			quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Phê phán, đấu tranh với những hành vi phân biệt đối xử giữa các công dân + Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện được các quy định của pháp luật về bình đẳng của công dân trước pháp luật. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. 3. Về phẩm chất Nhân ái, tôn trọng mọi người, có ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. * Tích hợp quyền con người: - <i>Tích hợp bộ phận hoặc yêu cầu cần đạt:</i> Bình đẳng giới trong các lĩnh vực; quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền bình đẳng giới trong các lĩnh vực; quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các giới trong các lĩnh vực; quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.
14	Bài 10: Bình đẳng giới trong các lĩnh vực	3 (40,41,42)	1. Về kiến thức - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới. - Nhận biết được ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống của con người và xã hội. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bình đẳng giới trong các lĩnh vực. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện bình đẳng giới

			+ Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền bình đẳng giới + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề về bình đẳng giới. 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bình đẳng giới
15	Bài 11: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc	2 (43,44)	1. Về kiến thức. - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. - Nhận biết được ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội. 2. Về năng lực. - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền bình đẳng giữa các dân tộc. + Có khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo liên quan đến quyền bình đẳng giữa các dân tộc. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi phân biệt đối xử giữa các dân tộc trong các lĩnh vực. + Năng lực phát triển bản thân: tự đặt ra mục tiêu, kế hoạch rèn luyện để thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến quyền bình đẳng giữa các dân tộc. 3. Về phẩm chất - Có ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc. - Yêu quê hương, đất nước, tự hào về con người, về dân tộc của mình. - Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc
16	Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo	2 (45,46)	1. Về kiến thức - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý.

			- Nhận biết được ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các tôn giáo đối với đời sống con người và xã hội. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. + Có khả năng giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo; + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: có khả năng tham gia các hoạt động liên quan đến quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. 3. Về phẩm chất - Có ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. - Yêu quê hương, đất nước, nhân ái với con người, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mỗi người và quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.
17	Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội	2 (47,48)	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. + Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác

			thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: tham gia các hoạt động thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. * Tích hợp quyền con người: - <i>Tích hợp bộ phận: yêu cầu cần đạt 1:</i> Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; quyền biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền dân chủ - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc vi phạm quyền dân chủ.
18	Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử	2 (49,50)	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. + Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác

			thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, hoạt động thực hiện các quy định về bầu cử và ứng cử 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.
19	Ôn tập giữa kỳ 2	1 (51)	1. Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ 2 ; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + <i>Tự chủ và tự học</i> để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. + <i>Giao tiếp và hợp tác</i> trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i> thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. - Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

			<i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.
20	Kiểm tra giữa kỳ 2	1 (52)	Theo bảng đặc tả, ma trận
21	Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo	3 (53,54,55)	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo 2. Về năng lực + Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: phân tích, đánh giá được các quan điểm, các hành vi, xử lý được các tình huống đơn giản trong thực tiễn có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo.
22	Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc	2 (56,57)	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về

			bảo vệ Tổ quốc. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc + Năng lực phát triển bản thân: tự đặt ra mục tiêu, kế hoạch rèn luyện để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, về bảo vệ Tổ quốc 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.
23	Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân	3 (58,59,60)	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân.

			+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. * Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 2, 3, 4:</i> - Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình - Thực hiện được trách nhiệm của công dân trong thực hiện và tôn trọng các quyền của bản thân và của người khác. - Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền dân sự.
24	Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân	2 (61,62)	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. 2. Về năng lực - Năng lực chung:

			+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. + Năng lực phát triển bản thân: thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
25	Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân	2 (63,64)	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. + Giải quyết vấn đề sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của HS trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân; + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các quy

			định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.
26	Bài 20: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin	2 (65,66)	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.

27	Bài 21: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo	2 (67,68)	1. Về kiến thức - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các hoạt động học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. + Năng lực phát triển bản thân: Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo 3. Về phẩm chất - Trung thực và có trách nhiệm khi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. - Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
28	Ôn tập cuối kỳ 2	1 (69)	1. Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ 2 ; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt

			động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + <i>Tự chủ và tự học</i> để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. + <i>Giao tiếp và hợp tác</i> trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + <i>Giải quyết vấn đề</i> và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. - Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.
29	Kiểm tra cuối kì 2	1 (70)	Theo bảng đặc tả, ma trận

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý:Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu) (3)	Hình thức (4)
Giữa	45 phút	Tuần 9	1. Về kiến thức:	Theo cấu trúc

Học kỳ 1			- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra	thống nhất của trường, Sở
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	1. Về kiến thức - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,	Theo cấu trúc thống nhất của trường, Sở

			- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này 3. Về phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	1. Về kiến thức: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ II lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hành vi thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, phê phán những hành vi vi phạm <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, vận dụng những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật để hoàn thiện bản thân mình 3. Về phẩm chất:	Theo cấu trúc thống nhất của trường, Sở

			<i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	1. Về kiến thức - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ II lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hành vi thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, phê phán những hành vi vi phạm <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân, vận dụng những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật để hoàn thiện bản thân mình 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.	Theo cấu trúc thống nhất của trường, Sở

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN GDKT&PL 10
(Năm học 2025- 2026)

1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thực hành	Ghi chú
1	- Hình ảnh minh họa về các mô hình sản xuất, kinh doanh. - Máy chiếu, video về các mô hình sản xuất kinh doanh.	2 2	Mô hình kinh tế phù hợp với yêu cầu của cá nhân, tổ chức.	
2	- Máy chiếu, ti vi, video về các hoạt động tiêu dùng. - Mô hình hành vi mua của người tiêu dùng	4 2		
2	- Sơ đồ hệ thống chính trị Việt Nam - Hiến pháp nước CHXHCNVN 2013 - Máy chiếu, video về hoạt động giáo dục phổ biến pháp luật, các tình huống pháp luật thường gặp trong cuộc sống.	2 2 2		

1.4. Phòng học bộ môn/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học bộ môn	1	Hướng dẫn các bước lựa chọn các mô hình kinh doanh qua các hình ảnh, video....	
2	Phòng thư viện	1	Tìm tư liệu	

2. Kế hoạch dạy học

STT	Chủ đề/ bài học (1)	Số tiết (Tiết PPCT) (2)	Yêu cầu cần đạt (Lưu ý:Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu mức biết và hiểu) (3)
PHẦN 1: GIÁO DỤC KINH TẾ			
Chủ đề 1: Nền kinh tế và các chủ thể kinh tế			
1	Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	5 (1,2,3,4,5)	1. Về mục tiêu: - Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội. - Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. - Nhận biết được trách nhiệm của công dân khi tham gia các hoạt

		động kinh tế. 2. Về phẩm chất: Yêu nước thông qua tin tưởng, chấp hành pháp luật về kinh tế. Nhân ái (NA), Nhân ái trong các hành vi tiêu dùng giải cứu nông sản. Chăm chỉ (CC), Chăm chỉ khi tham gia các hoạt động kinh tế. Trung thực (TT), Trách nhiệm (TN) Trung thực, trách nhiệm khi tham gia vào các hoạt động kinh tế. 3. Về năng lực: Năng lực chung: Tự chủ- tự học (TC– TH) chủ động nắm bắt yêu cầu bài học và khám phá kiến thức mới, Giao tiếp (GT) Hợp tác (HT), Tự tin trình bày quan điểm về các hoạt động kinh tế, hợp tác với nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập. giải quyết vấn đề sáng tạo Năng lực riêng: Điều chỉnh hành vi (ĐCHV) + Có ý thức tìm tòi, học hỏi về các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. + Hiểu và thực hiện được trách nhiệm của công dân trong các hoạt động kinh tế theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. + Phê phán, đấu tranh với những hoạt động kinh tế trái pháp luật, trái đạo đức Phát triển bản thân Tìm hiểu, tham gia các hoạt động kinh tế xã hội.+ Hướng đến tiêu dùng thông minh. -Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế xã hội:
--	--	--

			+Tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. + Bước đầu giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. *Tích hợp PCCN YCCĐ: Nhận biết được trách nhiệm của CD trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế. Nội dung: Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực.
2	Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	3 (4,5,6)	1. Về mục tiêu: – Nhận biết được chủ thể tham gia trong nền kinh tế, vai trò của các chủ thể khi tham gia nền kinh tế. – Xác định được vai trò của bản thân và gia đình với tư cách là chủ thể tham gia trong nền kinh tế. – Nhận biết được trách nhiệm công dân trong khi tham gia các hoạt động kinh tế. - Tìm tòi học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. 2.Về phẩm chất: Chăm chỉ: Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường. Trách nhiệm: Nhận biết được vai trò của các chủ thể, xác định được vị trí của bản thân với tư cách là một chủ thể từ đó có kế hoạch thực hiện tốt vai trò của mình. 3.Về năng lực: Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế.

			+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò của các chủ thể kinh tế. Năng lực riêng: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có nhận thức đúng đắn về vai trò của từng chủ thể, có những việc làm phù hợp với các quan hệ kinh tế khi mình tham gia. + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Tích cực, tự giác và nghiêm túc thực hiện tốt chính sách phát triển của nhà nước. *Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3, 4:</i> - Vai trò của chủ thể trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe của con người; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó. - Vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể trong việc tôn trọng, thực hiện quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản
--	--	--	--

			văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó * Tích hợp PCTN: YCCĐ : Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Nội dung: Một số biểu hiện lãng phí trong các hoạt động sản xuất, tiêu dùng, phân phối sản phẩm hàng hóa
Chủ đề 2: Thị Trường và cơ chế thị trường			
3	Bài 3: Thị trường	3 (7,8,9)	1. Về mục tiêu: - Nêu được khái niệm thị trường. - Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường. - Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. 2. Về phẩm chất: Chăm chỉ: Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường. Trách nhiệm: Nhận biết được vai trò của các chủ thể, xác định được vị trí của bản thân với tư cách là một chủ thể từ đó có kế hoạch thực hiện tốt vai trò của mình 3. Về năng lực: Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò của các chủ thể kinh tế.

			Năng lực riêng: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có nhận thức đúng đắn về vai trò của từng chủ thể, có những việc làm phù hợp với các quan hệ kinh tế khi mình tham gia. + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Tích cực, tự giác và nghiêm túc thực hiện tốt chính sách phát triển của nhà nước. - Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 5:</i> Phê phán những hành vi không đúng trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh của con người. * Tích hợp PCTN: YCCĐ: Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. Nội dung: - Giáo dục ý thức trách nhiệm công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. - Phê phán hành vi vi phạm quy định của pháp luật về PCTN, lãng phí.
4	Bài 4: Cơ chế thị trường	3 (10,11,12)	1. Về mục tiêu: - Nêu được khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường. - Nêu được khái niệm và chức năng của giá cả thị trường. - Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường. - Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. - Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường. 2. Về phẩm chất: Chăm chỉ: Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh

			tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường. Trách nhiệm: Nhận biết được vai trò của các chủ thể, xác định được vị trí của bản thân với tư cách là một chủ thể từ đó có kế hoạch thực hiện tốt vai trò của mình 3. Về năng lực: Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò của các chủ thể kinh tế. Năng lực riêng: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có nhận thức đúng đắn về vai trò của từng chủ thể, có những việc làm phù hợp với các quan hệ kinh tế khi mình tham gia. + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Tích cực, tự giác và nghiêm túc thực hiện tốt chính sách phát triển của nhà nước. * Tích hợp PCTN: YCCĐ: Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường. Nội dung: - Giáo dục chuẩn mực của phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính - Giáo dục tinh thần tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính
Chủ đề 3: Ngân sách nhà nước và thuế			
5	Bài 5: Ngân sách nhà nước	3	1. Về mục tiêu:

		(13,14,15) - Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước, đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật ngân sách. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách. 2. Về phẩm chất: Chăm chỉ: Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường. Trách nhiệm: Nhận biết được vai trò của các chủ thể, xác định được vị trí của bản thân với tư cách là một chủ thể từ đó có kế hoạch thực hiện tốt vai trò của mình 3. Về năng lực: Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò của các chủ thể kinh tế. Năng lực riêng: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có nhận thức đúng đắn về vai trò của từng chủ thể, có những việc làm phù hợp với các quan hệ kinh tế khi mình tham gia. + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Tích cực, tự giác và nghiêm túc thực hiện tốt chính sách phát triển của nhà nước.
--	--	--

			- Tích hợp quyền con người: *Tích hợp PCTN: YCCĐ : Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước. YCCĐ : Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách . Nội dung: Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCNN, lãng phí và quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Một số biểu hiện của hành vi lãng phí, tiêu cực
6	Bài 6: Thuế	2 (16,17)	1. Về mục tiêu: Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế. - Gọi được tên một số loại thuế phổ biến. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật thuế. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế 2. Về phẩm chất: Chăm chỉ: Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường. Trách nhiệm: Nhận biết được vai trò của các chủ thể, xác định được vị trí của bản thân với tư cách là một chủ thể từ đó có kế hoạch thực hiện tốt vai trò của mình 3. Về năng lực: Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế.

			+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò của các chủ thể kinh tế. Năng lực riêng: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có nhận thức đúng đắn về vai trò của từng chủ thể, có những việc làm phù hợp với các quan hệ kinh tế khi mình tham gia. + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Tích cực, tự giác và nghiêm túc thực hiện tốt chính sách phát triển của nhà nước. - Tích hợp quyền con người: * Tích hợp PCTN: YCCĐ : Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế. YCCĐ : Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế . Nội dung: Một số biểu hiện của hành vi lãng phí, tiêu cực Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực.
7	Ôn tập giữa kì 1	1 (16)	1. Về mục tiêu: Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không

		ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra. 3. Về năng lực: Năng lực chung: <i>Tự chủ và tự học</i> để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra Năng lực riêng: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề
--	--	--

			ng nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này.
8	Kiểm tra giữa kỳ 1	1 (17)	Theo ma trận,,bảng đặc tả

Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

9	Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	5 (20,21,22, 23,24)	1.Về mục tiêu: - Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh. - Nhận biết được một số mô hình sản xuấtkinh doanh và đặc điểm của nó. - Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân. 2.Về phẩm chất: Chăm chỉ: Biết tìm hiểu và học tập các mô hình kinh doanh có hiệu quả để áp dụng cho bản thân để mang lại thu nhập hợp pháp Có trách nhiệm trong việc tạo dựng và chuẩn bị nghề nghiệp cho bản thân sau khi ra trường, chủ động mô hình làm kinh tế hiệu quả 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học đề' có những kiến thức cơ bản về thuế. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế - Năng lực riêng: + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế xã hội: Học sinh biết tìm hiểu, đánh giá và có khả năng tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp để mang lại thu nhập hợp pháp cho bản thân. + Năng lực điều chỉnh hành vi của bản thân từ đó có định hướng cho
---	---	------------------------	---

			bản thân mình trong việc lựa chọn nghề nghiệp và việc làm sau khi ra trường *Tích hợp quyền con người <i>Tích hợp liên hệ:</i> Quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định. *Tích hợp PCTN: YCCĐ: Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân. Nội dung: Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực.
Chủ đề 5: Tín dụng và cách sử dụng các tín dụng trong đời sống			
10	Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	2 (25,26)	1. Về mục tiêu: - Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng. - Nhận biết được những vai trò tích cực của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình và xã hội. 2. Về phẩm chất: Trung thực: Sử dụng đúng đắn và hiệu quả các loại hình tín dụng vào hoạt động sản xuất và tiêu dùng Trách nhiệm: Sẵn sàng tham gia và chịu trách nhiệm khi tham gia vào các loại hình tín dụng. 3. Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học đề' có những kiến thức cơ bản . + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan - Năng lực riêng: + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế xã hội: Học

			sinh biết tìm hiểu, đánh giá và có khả năng tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp để mang lại thu nhập hợp pháp cho bản thân. + Năng lực điều chỉnh hành vi của bản thân từ đó có định hướng cho bản thân mình trong việc lựa chọn nghề nghiệp và việc làm sau khi ra trường * Tích hợp quyền con người: Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 4: Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội.
11	Bài 9: Dịch vụ tín dụng	3 (27,28,29)	1.Về mục tiêu: - Nhận biết và mô tả được đặc điểm một số dịch vụ tín dụng. - Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng. - Biết cách sử dụng có trách nhiệm một số dịch vụ tín dụng. 2.Về phẩm chất: Trung thực: Sử dụng đúng đắn và hiệu quả các loại hình tín dụng vào hoạt động sản xuất và tiêu dùng Trách nhiệm: Sẵn sàng tham gia và chịu trách nhiệm khi tham gia vào các loại hình tín dụng. 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học đề' có những kiến thức cơ bản . + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan - Năng lực riêng: + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế xã hội: Học sinh biết tìm hiểu, đánh giá và có khả năng tham gia vào các hoạt

			động kinh tế phù hợp để mang lại thu nhập hợp pháp cho bản thân. + Năng lực điều chỉnh hành vi của bản thân từ đó có định hướng cho bản thân mình trong việc lựa chọn nghề nghiệp và việc làm sau khi ra trường * Tích hợp PCTN: YCCĐ: Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm. Nội dung: - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của một số hành vi lãng phí. - Nhận xét, đánh giá được một số hành vi lãng phí, tiêu cực trong thực tiễn. -Giáo dục ý thức xây dựng thói quen tiết kiệm, chống lãng phí
Chủ đề 6: Lập kế hoạch tài chính cá nhân			
12	Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	5 (30,31,32,33,34)	1. Về mục tiêu: - Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân. - Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. - Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân. - Kiểm soát được tài chính cá nhân 2. Về phẩm chất: <i>Chăm chỉ:</i> Thường xuyên đánh giá và điều chỉnh hoạt động thu nhập của bản thân để thực hiện cho được kế hoạch tài chính của mình. <i>Trách nhiệm:</i> Biết lập kế hoạch cá nhân một cách có trách nhiệm và có ý thức trong việc hoàn thành kế hoạch tài chính đã đặt ra. 3. Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản . + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm

			vụ được phân công. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan - Năng lực riêng: + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế xã hội: Học sinh biết tìm hiểu, đánh giá và có khả năng tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp để mang lại thu nhập hợp pháp cho bản thân. + Năng lực điều chỉnh hành vi của bản thân từ đó có định hướng cho bản thân mình trong việc lựa chọn nghề nghiệp và việc làm sau khi ra trường * Tích hợp PCTN: - YCCĐ: Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân. YCCĐ: Kiểm soát được tài chính cá nhân. Nội dung: - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của một số hành vi lãng phí, tiêu cực. - Nhận xét, đánh giá được một số hành vi lãng phí, tiêu cực trong thực tiễn. - Giáo dục ý thức xây dựng thói quen tiết kiệm, chống lãng phí, chi tiêu có kế hoạch
13	Ôn tập cuối kì I	1 (34)	1. Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

			2.Về phẩm chất: - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 3.Về năng lực: - Năng lực chung: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó - Năng lực riêng: <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này.
14	Kiểm tra cuối kì I	1 (35)	Theo ma trận,,bảng đặc tả
PHẦN 2: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT			
Chủ đề 7: Pháp luật nước CHXHCNVN			
15	Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật	2 (37,38)	1. Về mục tiêu: - Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. - Tự giác thực hiện các quy định pháp luật. - Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. 2. Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện các

			quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật Trách nhiệm: Tích cực, tự giác và nghiêm túc chấp hành kỉ luật, pháp luật đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật. Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật. 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo - Năng lực riêng: +Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước +Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội
16	Bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	2 (39,40)	1.Về mục tiêu: - Nêu được hệ thống pháp luật Việt Nam và văn bản pháp luật Việt Nam. - Kể tên được các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam 2.Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật Trách nhiệm: Nghiêm túc chấp hành pháp luật đấu tranh phê bình

			các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật. Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật 3. Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo - Năng lực riêng: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện pháp luật + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. * Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3:</i> - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền chính trị, dân sự; quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương. Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật trong việc về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người; thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; tôn trọng quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân và của người khác.
17	Bài 13: Thực hiện pháp luật	2	1. Về mục tiêu:

		(41,42) - Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật. - Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật. 2.Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật. Trách nhiệm: Nghiêm túc chấp hành pháp luật đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật. Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật. 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực riêng: +Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện pháp luật +Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. * Tích hợp PCTN: YCCĐ : Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. Nội dung:
--	--	--

			- Nhận xét, đánh giá được một số hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong thực tiễn. Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực.
Chủ đề 8: Hiến Pháp nước CHXNCNVN			
18	Bài 14: Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2 (43,44)	1.Về mục tiêu: Nêu được khái - Nêu được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể phù hợp với 2.Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật. Trách nhiệm: Nghiêm túc chấp hành pháp luật đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật. Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật. 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực riêng: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện pháp luật + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ

			nghĩa Việt Nam. * Tích hợp quyền con người: - <i>Tích hợp toàn phần yêu cầu cần đạt:</i> Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về quyền con người (thiết kế bài học về quy định của Hiến pháp 2013 về quyền con người). - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân của bản thân và của người khác - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền dân sự; phê phán các hành vi vi phạm quyền con người, quyền công dân.
19	Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị	2 (45,46)	1.Về mục tiêu: - Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị nước CHXHCN Việt Nam. - Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị; phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị. Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. 2.Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật. Trách nhiệm: Nghiêm túc chấp hành pháp luật đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật. Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật.

			3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực riêng: +Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện pháp luật +Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
20	Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp	3 (47,48,49)	1.Về mục tiêu: - Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. - Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; lên án, phê phán các hành vi vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Thực hiện các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với độ tuổi 2.Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật. Trách nhiệm: Nghiêm túc chấp hành pháp luật đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật. Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật.

			3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực riêng: +Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện pháp luật +Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
21	Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ , môi trường	2 (50,51)	1. Về mục tiêu: – Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường. – Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; lên án, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp. Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về kinh tế, văn hoá xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. 2. Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật. Trách nhiệm: Nghiêm túc chấp hành pháp luật đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật. Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành

			Hiến pháp, pháp luật. 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. - Năng lực riêng: +Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện pháp luật +Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
22	Ôn tập giữa học kì II	1 (52)	1.Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ II ; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá hành vi, việc làm theo đúng các chuẩn mực pháp luật, sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của

		mình. 2.Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường. Trách nhiệm: Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật; đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường. 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường - Năng lực riêng: + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác thực hiện các quy định của pháp luật kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.
--	--	--

23	Kiểm tra giữa học kì II	53 (1)	Theo ma trận, đặc tả
24	Bài 18: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2 (54,55) (	1.Về mục tiêu: - Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. - Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước. - Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán các hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước. 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực,

			chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường - Năng lực riêng: + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác thực hiện các quy định của pháp luật kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường. *Tích hợp PCTN: - YCCĐ:Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - YCCĐ: Phê phán các hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nội dung: Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống lãng phí, tiêu cực. Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân
Chủ đề 9: Hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam			
25	Bài 19: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam	3 (56,57,58)	1.Về mục tiêu: - Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam. - Phê phán và đấu tranh với các hành vi chống phá hệ thống chính trị Việt Nam. Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong việc bảo vệ , xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những việc làm cụ

			thể, phù hợp với quy định của pháp luật 2.Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước. 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường - Năng lực riêng: + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác thực hiện các quy định của pháp luật kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.
26	Bài 20: Đặc điểm, nguyên tắc tổ	3	1.Về mục tiêu:

	chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	(59,60,61)	- Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. - Phê phán, đấu tranh với các hành vi chống phá Nhà nước. - Thực hiện nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. 2.Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước. 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường - Năng lực riêng: + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường
--	---	-------------------	--

			+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác thực hiện các quy định của pháp luật kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường. * Tích hợp PCTN: - YCCĐ : Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta. - YCCĐ : Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp Nội dung: - Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân
27	Bài 21: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3 (62,63,64)	1.Về mục tiêu: - Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước bằng những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. 2.Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy

			định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước. 3. Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường - Năng lực riêng: + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác thực hiện các quy định của pháp luật kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.
28	Bài 22: Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân	2 (65,66)	1. Về mục tiêu: – Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. – Phê phán, đấu tranh đối với các hành vi sai trái liên quan đến Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi phù hợp quy định của pháp luật. 2. Về phẩm chất:

			Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước. 3. Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường - Năng lực riêng: + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác thực hiện các quy định của pháp luật kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.
29	Bài 23: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	2 (67,68)	1. Về mục tiêu: - Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. - Phê phán, đấu tranh đối với các hành vi sai trái liên quan đến Tòa

		án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi phù hợp quy định của pháp luật. 2.Về phẩm chất: Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước. 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường - Năng lực riêng: + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác thực hiện các quy định của pháp luật kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công
--	--	---

			nghệ và môi trường.
30	Ôn tập cuối kì II	1 (69)	1.Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2.Về phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt

			động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội - Năng lực riêng: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này
31	Kiểm tra cuối kì II	1 (70)	Theo ma trận, bảng đặc tả

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kỳ I	45 phút	Tuần 10	1.Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ	Theo cấu trúc thống nhất của trường, Sở

		chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2.Về phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra 3.Về năng lực: - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc	
--	--	--	--

			sống liên quan - Năng lực riêng: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này	
Cuối học kỳ I	45 phút	Tuần 18	1.Về mục tiêu: Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.	Theo cấu trúc thống nhất của trường, Sở

		2. Về phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra. 3. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan - Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những	
--	--	---	--

			suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này	
Giữa học kỳ II	45 phút	Tuần 27	1. Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao <i>Trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. <i>Chăm chỉ:</i> Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến	Theo cấu trúc thống nhất của trường, Sở

			3. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan - Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này	
Cuối học kỳ II	45 phút	Tuần 35	1. Về mục tiêu: - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ II lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó	Theo cấu trúc thống nhất của trường, Sở

		có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân. - Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá hành vi, việc làm theo đúng các chuẩn mực pháp luật, sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật - HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình. 2. Về phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân. Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra. 3. Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục.... + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc	
--	--	---	--

		sống liên quan - Năng lực đặc thù: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những việc làm đúng, việc làm chưa đúng theo các chuẩn mực pháp luật. Biết tự giác tham gia vào xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, có ý thức tự giác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân lập không ngừng tìm hiểu nâng cao hiểu biết về pháp luật, về bộ máy nhà nước, về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hình thành ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Tích cực tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt Hiến pháp và pháp luật.	
--	--	---	--

3. Các nội dung khác:

- Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường : 2 đợt
- Kế hoạch thao giảng dạy học chuyên đề NCBH của tổ.
- Dạy bồi dưỡng HSG tp theo kế hoạch

TỔ TRƯỞNG



Phạm Minh Tùng

Quế Sơn, ngày 04 tháng 9 năm 2025

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hội